



TÔN VINH
GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC

SEEING THE QUALITY IN YOU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013
ANNUAL REPORT 2013

MỤC LỤC

5	TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	44	CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
6	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	46	Sơ đồ tổ chức
10	THÔNG TIN CÔNG TY	48	Hội đồng quản trị
12	NHỮNG CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	50	Ban tổng giám đốc
16	BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	52	Ban kiểm soát
18	BÁO CÁO CỦA HĐQT	54	Tình hình quản trị công ty
19	Tổng quan tình hình hoạt động 2013	58	SẢN PHẨM, DỊCH VỤ
20	Định hướng chiến lược của HĐQT đối với hoạt động công ty trong năm 2014	60	Nhãn hiệu TRANG SỨC VÀNG PNJ
22	BÁO CÁO KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2013	61	Nhãn hiệu CAO FINE JEWELLERY
22	Báo cáo kiểm soát năm 2013	62	Nhãn hiệu TRANG SỨC PNJSILVER
24	Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2014	63	Nhãn hiệu TRANG SỨC JEMMA
26	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BTGD	64	VĂN HÓA DOANH NGHIỆP
27	Kết quả kinh doanh năm 2013	66	Mái nhà chung: Bản sắc Văn hóa PNJ
33	Hoạt động của các công ty con	68	Năm 2013 - Dấu ấn cộng đồng PNJ
34	Tình hình thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm năm 2013	72	Các thành tựu
36	Hoạt động quản trị rủi ro	74	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013
38	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư năm 2013	122	HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TRANG SỨC PNJ
39	Kết luận		
40	NHỮNG HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ THEN CHỐT NĂM 2013		



TÂM NHÌN • SỬ MỆNH • GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN

Là công ty chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu tại Châu Á, giữ vị trí số một trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ nhắm tới tại Việt Nam.

SỬ MỆNH

PNJ mang lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng các sản phẩm trang sức tinh tế, chất lượng vượt trội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1 TRUNG THỰC

Trung thực là chuẩn mực đạo đức hàng đầu trong công việc và trong cuộc sống mà mỗi cá nhân và tổ chức đều cam kết hướng đến.

- Lấy lợi nhuận hợp pháp và đạo đức kinh doanh làm nền tảng cho mọi hoạt động.
- Xây dựng chữ Tín và minh bạch trong tổ chức để tạo dựng niềm tin.
- Kiên quyết đấu tranh loại bỏ mọi hành động không trung thực.

2 CHẤT LƯỢNG

Chất lượng là cơ sở vững chắc để đảm bảo sự sống còn và là thước đo giá trị của mỗi cá nhân và tổ chức.

- Luôn đảm bảo chất lượng của các nguồn lực để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao.
- Mỗi cá nhân cam kết thực hiện nhiệm vụ với chất lượng tốt nhất, không tạo ra sản phẩm hỏng, không chuyển sản phẩm hỏng cho người khác.

3 TRÁCH NHIỆM

Lấy trách nhiệm làm động lực thúc đẩy mọi hoạt động. Đặt lợi ích của khách hàng, của xã hội vào lợi ích của doanh nghiệp.

- Mỗi cá nhân cam kết sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, tổ chức và xã hội.
- Thực thi xuất sắc mọi công việc với tinh thần tự nguyện, chủ động, sáng tạo và tận tâm.
- Luôn tiên phong theo đuổi và thực hiện những nhiệm vụ khó khăn nhất với tinh thần quyết thắng

4 ĐỔI MỚI

Đổi mới là nền tảng của sự phát triển trường tồn của tổ chức.

- Không tự mãn với các thành tích đã đạt được. Sẵn sàng đón nhận, học tập, ứng dụng các kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng mới.
- Liên tục cải tiến để tối ưu hóa lợi ích cho tổ chức.

5 SÁNG TẠO

Sáng tạo để làm nên sự khác biệt vượt trội và lợi thế cạnh tranh.

- Đáp ứng kỳ vọng của khách hàng là cơ sở để định hướng sáng tạo.
- Bằng tinh thần trách nhiệm, lòng say mê nghề nghiệp, mỗi cá nhân và tổ chức cam kết không ngừng sáng tạo, đưa ra các giải pháp đột phá, tạo nên các sản phẩm và dịch vụ vượt trội.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông,

Kinh tế thế giới năm 2013 vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, nhất là đối với các nền kinh tế phát triển. Những yếu tố không thuận lợi đó từ thị trường thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi.

Tình hình thị trường vàng có nhiều biến động, giá vàng trong nước năm 2013 giảm 21.7%, dù còn chênh lệch với giá vàng thế giới nhưng giá vàng trong nước đã phản ứng cùng chiều với biến động giá vàng thế giới. Theo báo cáo mới nhất mà Hội Đồng Vàng Thế Giới công bố, Việt Nam đứng thứ 7 trên thế giới về nhu cầu tiêu thụ vàng trong năm 2013. Các quy định mới của Chính phủ về quản lý thị trường vàng, quản lý đo lường trong kinh doanh vàng, quản lý chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ trong năm qua đã có những tín hiệu tích cực. Hoạt động kinh doanh vàng trang sức được quản lý chặt chẽ và minh bạch sẽ là lợi thế cho các thương hiệu uy tín, lâu đời mà PNJ đang là doanh nghiệp dẫn đầu.

Trong bối cảnh chung vừa có nhiều thuận lợi và không ít khó khăn đó, các hoạt động của công ty đặt trọng tâm vào tái cơ cấu tổ chức, tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh cốt lõi, xây dựng chuẩn mực quản trị hiện đại, tìm các biện pháp hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu suất

lao động, xây dựng và thực hiện tốt cơ chế kiểm soát rủi ro. Trong năm qua, công ty đã xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững, phấn đấu hoàn thành cơ bản các mục tiêu kinh doanh năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đó là:

- Hoàn thiện và vận hành hệ thống quản trị nguồn nhân lực phù hợp và hiệu quả.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đủ năng lực đáp ứng nhu cầu phục vụ các nghiệp vụ kinh doanh và quản lý hiệu quả.
- Cải tiến và vận hành hệ thống quy trình nội bộ phù hợp quy trình quản trị mới và kiểm soát được tính hiệu quả.
- Cung ứng đầy đủ các yêu cầu của các đơn vị kinh doanh với chi phí cạnh tranh hợp lý.
- Cải tiến mạnh mẽ hệ thống phân phối.

Từ những hoạt động rất trọng tâm, có định hướng như trên, tuy phải điều chỉnh kế hoạch so với chỉ tiêu ban đầu do giảm sút lợi nhuận trong hoạt động đầu tư tài chính và lợi nhuận từ mảng hoạt động kinh doanh vàng miếng, nhưng nhờ vào sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên đang công tác tại PNJ trong việc khẩn trương thực thi các giải pháp chiến lược đã được đề ra trong giai đoạn đầu của dự án Tái cấu trúc và định hướng chiến lược, nên hoạt động kinh doanh cốt lõi là vàng trang sức đã có mức tăng trưởng đáng kể trong bối cảnh thị trường chung bị sụt giảm, cùng với các giải pháp nhằm giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm đã góp phần cải thiện được lợi nhuận đồng thời cho thấy sự lạc quan trong tương lai.



Bà CAO THỊ NGỌC DUNG
Chủ tịch HĐQT - TGD PNJ

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kết quả hoạt động của Công ty được ghi nhận như sau: tổng doanh thu hợp nhất đạt 8.974 tỷ đồng, doanh thu công ty mẹ đạt 7.604 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 169 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 12,8%, đảm bảo mức chi trả cổ tức theo đúng kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.

Bước sang 2014, tình hình kinh tế vĩ mô và tăng trưởng được dự báo là tiếp tục khó khăn, sức mua của thị trường và đặc biệt là ngành hàng xa xỉ chưa hứa hẹn khởi sắc. Trong điều kiện đó, phát huy những thành quả đạt được năm 2013, năm đầu tiên thực thi các mục tiêu chiến lược theo sát dự án chiến lược 2012 – 2022 đã được phân kỳ thực hiện theo từng giai đoạn, đồng thời bám sát tình hình thực tiễn, PNJ tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, phù hợp với qui trình quản lý hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, mở rộng và chuẩn hóa hệ thống phân phối trên cả nước theo quan điểm hướng đến khách hàng nhằm thực thi sứ mệnh “Mang lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng những sản phẩm trang sức tinh tế, chất lượng vượt trội”, vẫn là những vấn đề được đặt lên hàng đầu, cần xây dựng những giải pháp thực thi mang lại hiệu quả cao trong các mặt hoạt động nhằm đưa công ty phát triển đúng hướng và đúng tầm chiến lược. Chúng tôi tin tưởng rằng với chiến lược tập trung vào các hoạt động cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động để phát triển bền vững ở các lĩnh vực đang kinh

doanh, kiểm soát giá thành chặt chẽ, luôn sẵn sàng đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của thị trường, gia tăng giá trị cho khách hàng sẽ là nền tảng vững chắc giúp PNJ đạt được các mục tiêu đã đề ra về gia tăng doanh thu, mở rộng thị phần, tăng thu nhập cho người lao động, gia tăng lợi nhuận, giá trị doanh nghiệp và tăng cổ tức cho các cổ đông.

PNJ đã xây dựng được một thương hiệu trang sức vàng của Việt Nam, có chỗ đứng vững chắc trong tâm trí người tiêu dùng và sẵn sàng vươn ra thị trường quốc tế trong thời gian tới. Đó chính là thành quả của sự lao động, sáng tạo của các thể hệ cán bộ, nhân viên, công nhân của PNJ và sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, cổ đông và các đối tác dành cho PNJ. Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh đã đề ra để xứng đáng với niềm tin mà Quý cổ đông và khách hàng đã, đang và sẽ tiếp tục trao cho PNJ.

Thay mặt Hội Đồng quản trị của công ty PNJ, tôi trân trọng cảm ơn các cấp chính quyền, quý vị cổ đông, đối tác, quý khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty đã ủng hộ và đồng hành, chung sức để tạo ra những thành công cho PNJ và chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác trong thời gian sắp tới. Kính chúc các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng và các đối tác một năm 2014 sức khỏe, an khang, thịnh vượng và hạnh phúc.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đã ký

CAO THỊ NGỌC DUNG



THÔNG TIN CÔNG TY

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
Tên tiếng Anh	: PhuNhan Jewelry Joint Stock Company
Tên viết tắt	: PNJ.,JSC
Địa chỉ	: 170E Phan Đăng Lưu - P. 3 - Q. Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 08.3.9951703 - Fax: 08.3.9951702
Email	: pnj@pnj.com.vn
Website	: www.pnj.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	: 0300521758
Mã số thuế	: 0300521758
Loại hình công ty	: Công ty cổ phần
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	: Bà Cao Thị Ngọc Dung – Chức vụ Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
VỐN ĐIỀU LỆ	: 755.970.355.000 đồng <i>(Bảy trăm năm mươi lăm tỷ, chín trăm bảy mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng)</i>
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:	<ul style="list-style-type: none">• Sản xuất kinh doanh trang sức bằng vàng, bạc, đá quý, phụ kiện thời trang, quà lưu niệm.• Kinh doanh đồng hồ và mua bán vàng miếng• Dịch vụ kiểm định kim cương, đá quý, kim loại quý• Cho thuê nhà theo luật kinh doanh bất động sản

NHỮNG CỘT MỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1988 - 1992

HÌNH THÀNH VÀ XÁC ĐỊNH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

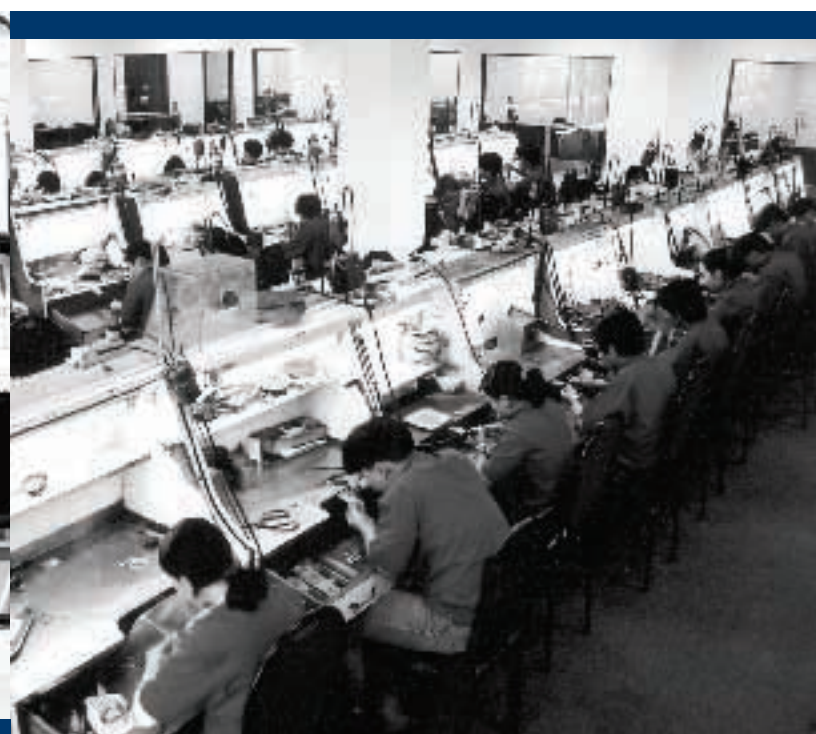


Ngày **28/04/1988**, cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Phú Nhuận ra đời, trực thuộc UBND Quận Phú Nhuận trong thời điểm ngành kim hoàn Việt Nam còn non trẻ, chưa phát triển, thị trường còn nhiều hạn chế chính là những thách thức lớn mà 20 con người đầu tiên sáng lập ra PNJ phải vượt qua.

Năm **1992**, PNJ chính thức mang tên Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận sau hai lần đổi tên từ Cửa hàng Kinh doanh Vàng Bạc Phú Nhuận và Công ty Vàng Bạc Mỹ Nghệ Kiều Hối Phú Nhuận, đồng thời xác định chiến lược phát triển là nhà sản xuất kinh doanh trang sức chuyên nghiệp. Tại thời điểm này, PNJ còn mở rộng hoạt động bằng việc sáng lập Ngân hàng Đông Á với tỷ lệ vốn góp 40%.

1993 - 2000

TĂNG TỐC MỞ RỘNG
MẠNG LƯỚI VÀ NGÀNH NGHỀ



Năm **1994**, PNJ thành lập Chi nhánh Hà Nội, mở đầu cho chiến lược mở rộng hệ thống tại các tỉnh, thành phố lớn trên toàn quốc về sau như Chi nhánh Đà Nẵng được khai trương năm **1998**, Chi nhánh Cần Thơ được khai trương năm **1999**, hệ thống phân phối PNJ luôn được mở rộng không ngừng.

Giai đoạn này cũng mang đậm dấu ấn trong công tác xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp của PNJ, nữ trang PNJ bắt đầu xuất khẩu. Chỉ sau vài năm từ lúc thành lập, trang sức thương hiệu PNJ nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường, được người tiêu dùng tin yêu và khẳng định uy tín của mình. Với các danh hiệu và giải thưởng đạt được: Chứng nhận danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao”, đón nhận Huân chương Lao động Hạng 3, Huân chương Lao động Hạng 2, PNJ còn được tổ chức DNV cấp chứng nhận Hệ thống Quản trị Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

2001 - 2004

ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU
VÀ THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA



Năm **2001**, Nhân hiệu PNJSilver chính thức ra đời đáp ứng nhu cầu làm đẹp cho các bạn trẻ yêu thích trang sức song song với việc tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhân hàng trang sức vàng PNJ bằng nhiều chương trình tiếp thị gây tiếng vang với sự bảo trợ của Hội đồng vàng thế giới.

Ngày **2/1/2004**: PNJ chính thức cổ phần hóa, chuyển đổi từ doanh nghiệp kinh tế Đảng thành Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận. Cũng trong thời gian này, PNJ đạt danh hiệu **Top 500 Doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương** và đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhất.

2005 - 2008

TÁI TUNG THƯƠNG HIỆU
VÀ PHÁT TRIỂN NHÃN HÀNG

NHỮNG CỘT MỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



Đây là giai đoạn phát triển khá mạnh mẽ của PNJ trên mọi mặt. Đặc biệt là trong công tác phát triển thương hiệu và sản phẩm mới, được đánh dấu bằng các sự kiện PNJSilver tái tung hình ảnh mới. Nhãn hiệu trang sức **CAO Fine Jewellery** chính thức ra đời. PNJ là nhà tài trợ trang sức và vương miện cho cuộc thi Hoa hậu Hoàn vũ 2008 tổ chức tại Việt Nam. Và ngày **3/4/2008**, PNJ chính thức công bố thay đổi logo mới nhân kỷ niệm 20 năm thành lập và phát triển với hình ảnh chuyên nghiệp, hiện đại hơn, xứng tầm cho chặng đường mới.

PNJ trở thành một trong 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo công bố của UNDP và vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý do Chủ tịch nước trao tặng: **Huân chương Độc lập Hạng ba**.

2009 - 2013

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU,
TÁI CẤU TRÚC, NỖ LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Tháng **3/2009**, cổ phiếu PNJ chính thức niêm yết tại HOSE, tăng vốn điều lệ lên **400 tỷ đồng**. Tháng **8/2009** thành lập Công ty TNHH MTV Thời trang CAO cùng với việc bổ sung ngành kinh doanh đồng hồ của các nhãn hiệu nổi tiếng thế giới tại hệ thống PNJ. Trở thành nhà tài trợ trang sức cho cuộc thi **Hoa hậu trái đất năm 2010** được tổ chức tại Việt Nam.

18/10/2012, PNJ đã khánh thành **Xí nghiệp nữ trang PNJ** sau thời gian gần 18 tháng thi công. Với tổng vốn đầu tư là **120 tỷ đồng**, có công suất sản xuất đạt trên 4 triệu sản phẩm/năm và được đánh giá là một trong những xí nghiệp chế tác nữ trang lớn nhất khu vực Châu Á.

Bên cạnh đó PNJ tiếp tục đầu tư, nâng cấp quy mô hệ thống phân phối, khánh thành các trụ sở và khai trương các Trung tâm kim hoàn tại Kiên Giang, Bình Dương, Biên Hòa, Hà Nội, Đà Nẵng thành những Trung tâm kim hoàn lớn nhất tại các khu vực này. Đặc biệt, PNJ đã chính thức khánh thành Trung tâm

trang sức, kim cương và đồng hồ lớn nhất trên toàn hệ thống tại 52A- 52B Nguyễn Văn Trỗi, Q. Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh - đây cũng là trụ sở và cửa hàng kinh doanh vàng bạc đầu tiên của PNJ được thành lập cách đây gần 25 năm đồng thời được xem là một trong những trung tâm trang sức, kim cương lớn nhất tại thị trường Việt Nam.

Năm **2013** là năm đánh dấu những sự kiện quan trọng trong chiến lược phát triển thương hiệu của PNJ. Ngày **10/09/2013**, PNJSilver đã chính thức tái định vị nhãn hàng, ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới mở ra một **"Thế giới Vàng tỏa sáng"** với sắc tím thời trang cũng những đột phá trong chiến lược phát triển sản phẩm và thương hiệu. Song song đó, thương hiệu trang sức vàng PNJ công bố thông điệp mới **"Tôn vinh giá trị đích thực"** với mục đích tôn vinh những giá trị "vàng", những phẩm chất cao quý của người phụ nữ trong xã hội hiện đại ngày nay trên nền tảng kế thừa hài hòa với các giá trị truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.



BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đối với PNJ năm 2013 là cột mốc đáng nhớ, đánh dấu hành trình 25 năm tồn tại và phát triển với nhiều thành tựu đáng tự hào. Không chỉ vậy, đây còn là năm hiện thực hóa nhiều thay đổi mang tính chiến lược, vượt qua tình hình khó khăn chung, từng bước sẵn sàng cho một giai đoạn phát triển mới mạnh mẽ hơn.

Ngay từ đầu, Hội đồng quản trị đã xác định năm 2013 sẽ là một năm đầy thử thách, ngoài việc phải đương đầu với những khó khăn chung của nền kinh tế, đây còn là năm công ty phải tập trung toàn lực triển khai thực hiện dự án chiến lược, biến sức mạnh sẵn có thành kết quả thực tiễn. Đến cuối năm, tổng doanh thu đạt 7.604 tỷ, tăng 18%, lợi nhuận gộp đạt 600 tỷ, tăng 9% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 240 tỷ, hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2013

Các mục tiêu trọng yếu của năm đã được triển khai thực hiện đồng bộ theo đúng chủ trương của Hội đồng quản trị đề ra

1. XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC PHÙ HỢP VÀ HIỆU QUẢ

Để sử dụng tốt nguồn nhân lực sẵn có, đồng thời thu hút thêm nhiều nhân sự có chuyên môn giỏi, hệ thống quản trị nguồn nhân lực đã được thay đổi một cách toàn diện. Các vị trí còn thiếu được bổ sung đồng thời cơ cấu lại các vị trí cũ nhằm phù hợp với mô hình phát triển mới. Công tác đào tạo về nhận thức về sự thay đổi được HĐQT quan tâm chỉ đạo đã tạo được tâm lý ổn định trong tổ chức nhất là đối với việc phân công lại và luân chuyển đối với các vị trí quản lý không còn phù hợp với qui trình và yêu cầu của hệ thống quản trị mới.

2. XÂY DỰNG NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HỖ TRỢ HIỆU QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG.

Cơ sở hạ tầng và chương trình phần mềm quản lý được đầu tư đúng, đủ và kịp thời. Hệ thống ERP được cài đặt thành công cho tất cả các phân hệ, hỗ trợ cho công tác quản lý được dễ dàng và chính xác hơn.

3. XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐẠT HIỆU QUẢ

Để phù hợp với hệ thống quản trị mới, các quy trình đã được xây dựng đồng bộ. Trong đó tập trung vào các quy trình kinh doanh (mua hàng, bán hàng, đặt hàng, báo hành), thiết kế và quy trình sản xuất. Quy trình mới đảm bảo các thông tin được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên hệ thống. Các bộ phận có liên quan có thể dễ dàng kiểm

tra theo dõi tiến độ, hiệu suất công việc nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

4. SẢN XUẤT ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ CÁC YÊU CẦU CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH DOANH VỚI CHI PHÍ CẠNH TRANH HỢP LÝ.

Để đáp ứng đủ và nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ kinh doanh với giá thành hợp lý. Công tác nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu, xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm, thiết kế cùng với việc cải tiến quy trình quản trị sản xuất... được chỉ đạo triển khai một cách đồng bộ. Xí nghiệp đã không ngừng nghiên cứu học hỏi các phương pháp chế tác mới cũng như công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Năm 2013, tổng sản lượng sản xuất tăng 35%, năng suất lao động/ người lao động tăng 3%, trong khi đó tỷ lệ hao hụt giảm đến 60%.

5. HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH:

Sau khi đánh giá lại, nhận thấy việc mở nhiều cửa hàng tại thời điểm lực cầu còn yếu như hiện nay là chưa cần thiết. Chính vì vậy HĐQT chủ trương tập trung nâng cao hiệu quả của các cửa hàng hiện có. Tổng số lượng cửa hàng mở mới trong năm tuy chỉ dừng lại ở 6 cửa hàng nhưng tất cả đều đạt doanh thu kỳ vọng trong thời gian ngắn hoạt động

Doanh thu và lợi nhuận gộp hoàn thành lần lượt là 98% và 92% chỉ tiêu kế hoạch. Nếu loại trừ yếu tố giảm giá do giá vàng giảm, doanh thu thực hiện ước tính vượt 11% so với kế hoạch đã đề ra.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA HĐQT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2014

Theo báo cáo triển vọng phát triển Châu Á (ADB) dự báo, năm 2014 tăng trưởng GDP toàn cầu tăng 3,6% và GDP Việt Nam sẽ tăng trưởng 5.8% và 6% trong 2015. Khả năng Hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) được kí kết trong năm 2014 cũng như việc các nhà đầu tư Nhật Bản đang có xu hướng chuyển dịch vốn từ Trung Quốc, Ấn Độ sang các nước ASEAN, là những điều kiện thuận lợi cho thu hút vốn FDI vào Việt Nam trong năm 2014. Điều đó sẽ dẫn đến mức tăng trưởng trong năm 2014 sẽ tích cực hơn nhờ sự cải thiện về tổng cầu.

Theo báo cáo của Hội đồng Vàng thế giới, tổng nhu cầu vàng tại Việt Nam vẫn đang có chiều hướng gia tăng. Nguyên nhân tăng mạnh chủ yếu do giá giảm mạnh (hơn 20% trong năm 2013), đã kích thích nhu cầu tích trữ và mua sắm vàng trang sức, dự báo nhu cầu thị trường nữ trang năm 2014 sẽ tăng trưởng ~ 14%. Đồng thời tiêu dùng tư nhân dự kiến sẽ cải thiện hơn so với năm 2013 chính là dấu hiệu tích cực nhất cho thị trường bán lẻ trang sức nói chung và cho PNJ nói riêng trong năm 2014.



PNJ với tiềm năng về đội ngũ nhân sự, thương hiệu trên thị trường cùng với hệ thống phân phối hiện đại chắc chắn rằng 2014 sẽ đạt ở mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng của ngành với mức phân đầu tăng trưởng 20%. Tuy nhiên để đạt được mong đợi đó, BTGD cùng toàn thể cán bộ công nhân viên PNJ đã phải có sự chuẩn bị cũng như xác định rõ ràng cụ thể cho các chương trình hành động trong 2014 này.

PNJ vẫn nhận định rằng trong tình hình biến động kinh tế thì việc phát triển bền vững vẫn là hàng đầu. Để làm được điều này cần phải xây dựng được một bộ máy hoạt động vững chắc từ những con người tâm huyết, phải cải tiến hệ thống quản lý theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại phù hợp với thời đại và phải đặt khách hàng làm nền tảng hàng đầu cho sự phát triển của doanh nghiệp. Với những quan điểm trên tập thể PNJ đã có định hướng hành động trong năm 2014 với các trọng tâm như sau:

MỘT LÀ, nguồn nhân lực vẫn là ngọn cờ đầu tạo nên sự thành công của công ty. Trong 2014 PNJ sẽ tập trung vào “nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực” thông qua các biện pháp trọng tâm:

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ phù hợp với chức năng hoạt động của công ty đến tận cấp nhân viên

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho nhân viên cán bộ PNJ tạo nên một môi trường, tác phong làm việc chuyên nghiệp.

HAI LÀ, lấy khách hàng làm trọng tâm cho sự tăng trưởng. PNJ sẽ “nâng mức độ hài lòng của khách hàng lên tầm mới”, xem khách hàng như một người bạn đồng hành, phục vụ khách hàng bằng tình yêu và niềm đam mê. Thông qua đó tất cả nhân viên PNJ cam kết sẽ mang lại cho khách hàng một phong cách phục vụ chuyên nghiệp với tất cả niềm đam mê, mỗi sản phẩm của PNJ đều được thổi hồn vào từng đường nét của sản phẩm đảm bảo tạo nên những sản phẩm độc đáo, tinh tế mang phong cách PNJ, tạo nên niềm kêu hánh cho từng khách hàng của PNJ như một món quà mà PNJ dành tặng cho người thân yêu của mình.

BA LÀ, sử dụng hiệu quả hệ thống bán hàng của PNJ bằng cách “củng cố hệ thống hiện tại phát triển hệ thống mới” đảm bảo một hệ thống bán hàng đồng nhất trên toàn quốc. Đó cũng nhằm vào mục đích mang lại sự tiện nghi thoải mái nhất cho khách hàng, đảm bảo phục vụ tối đa nhu cầu khách hàng, cam kết là cửa hàng trang sức đáng tin cậy nhất của khách hàng trên toàn quốc.

Với 3 mục tiêu trọng yếu trong 2014 như trên PNJ hướng đến tăng trưởng doanh thu và hiệu quả hóa chi phí trong 2014 như sau:

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	(%) Tăng trưởng
Tổng doanh thu	7,603,581	9,124,297	20%
TĐ: Doanh thu trang sức	4,316,183	5,205,448	21%
Lợi nhuận gộp	599,778	677,251	13%
DT hoạt động tài chính	26,361	27,000	2.4%
Lợi nhuận trước thuế	240,005	275,676	15%
Lợi nhuận sau thuế	182,394	220,967	21%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	233,007	279,920	20%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	169,037	202,551	20%
Phát triển mạng lưới	Mở mới 6 CH	Mở mới 12 CH	100%
Kế hoạch cổ tức	20%	20%	-

Để đạt được các chỉ tiêu trên đồng thời tạo tiền đề phát triển trong tương lai, trong năm 2014 Công ty tập trung đầu tư mua sắm máy móc thiết bị chế tác trang sức dự kiến 23 hạng mục máy với tổng vốn là 20,2 tỷ. Đầu tư phát triển mạng lưới khoảng 15,8 tỷ, mảng công nghệ thông tin với chi phí dự kiến 3,6 tỷ, mua sắm xe phục vụ kinh doanh 2,6 tỷ (3 xe hơi).

Trong năm 2014 này PNJ sẽ tăng trưởng mạnh doanh thu trong các lĩnh vực kinh doanh, nhưng bên cạnh đó PNJ cũng sẽ đầu tư mạnh vào phát triển cơ sở vật chất, đầu tư mạnh vào cửa hàng và con người, tạo tiền đề phát triển bền vững cho PNJ theo kế hoạch 10 năm.

BÁO CÁO KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

I. BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2013

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng kiểm soát các hoạt động trong phạm vi và chức trách theo kế hoạch đề ra:

- Duy trì việc giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động. Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, thành viên Ban tổng giám đốc và cổ đông.
- Giám sát tình hình và kết quả triển khai Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết và các quyết định, chỉ thị khác của HĐQT. Giám sát thực hiện các quy chế, quy định khác của PNJ.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và các quy định riêng của PNJ.

Chúng tôi báo cáo kết quả khái quát như sau:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Mục tiêu thường trực của HĐQT là sự phát triển bền vững với hiệu quả cao PNJ ở hiện tại và tương lai. Từng thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng làm việc của mình, đoàn kết phối hợp với tinh thần, tâm huyết và thái độ trách nhiệm rất cao, từng bước dẫn dắt PNJ hiện thực hóa tầm nhìn, sứ mạng trên cơ sở phát huy và không ngừng làm sâu sắc hơn những giá trị cốt lõi đã đúc kết.
- HĐQT đã nghiêm túc triển khai đầy đủ các vấn đề nêu trong Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013 khi đã cân nhắc tất cả các phương án tốt nhất và thấy rằng có một số chỉ tiêu trọng yếu không thể hoàn thành, HĐQT đã xin ý kiến cổ đông biểu quyết thay đổi 5 chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trên tinh thần cầu thị và đã được cổ đông chấp thuận.
- Tất cả các mục tiêu lớn và những giải pháp trọng tâm của nhiệm kỳ được HĐQT nghiên cứu triển khai sinh động vào hoạt động các cấp trong công ty.
- HĐQT đã hoạt động với sự phân công/phân nhiệm cụ thể đến từng cá nhân thành viên HĐQT, từng thành viên đã hoàn thành khá tốt tất cả nhiệm vụ trong năm 2013, tạo nền tảng tự tin và thuận lợi cho toàn PNJ trong năm 2014 và những năm kế tiếp. Mọi lãnh đạo HĐQT đã tuân thủ nghiêm các quy chế, điều lệ của PNJ và pháp luật.

2. HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2.1 Về hoạt động nhân sự - hành chính

- Năm 2013, BTGD công ty chú trọng vào mục tiêu cấu trúc hệ thống quản trị nguồn nhân lực, với một số chức năng trong hệ thống quản trị nhân lực đã được cải tiến (phương pháp tính lương, đánh giá thành tích đơn vị trên cơ sở KPIs ...). Các mục tiêu lớn về quản trị nhân sự còn phải tiếp tục thực hiện trong năm 2014 và đây là một trong những lĩnh vực tiếp tục được xem là trọng yếu để tái cấu trúc đi đến thành công.
- BTGD công ty theo đuổi việc thúc đẩy sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được khởi xướng từ năm 2012, thử thách nhân sự chủ chốt và định hướng điều chỉnh chức năng – nhiệm vụ của từng đơn vị. Triển khai đánh giá thành tích thông qua KPIs, tuy năm 2013 áp dụng còn ở mức hạn chế nhưng đã mang lại hiệu quả thiết thực.
- Hoàn thành 95% các chương trình đào tạo theo kế hoạch. Các nhân sự chủ chốt thiếu hụt đều được tuyển dụng và đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển.

2.2 Về hoạt động sản xuất – cung ứng.

- Xây dựng và đưa vào ứng dụng phần mềm Xman. Quản trị tốt các rủi ro tiềm ẩn. Sản lượng sản xuất tăng 36% so với năm 2012 kết hợp với hoạt động cung ứng đã đáp ứng khá tốt hệ thống kinh doanh.
- Quản lý khá tốt chi phí giá thành theo kế hoạch. Thành công trong việc giảm chi phí hao hụt góp phần giảm chi phí giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.
- Tiếp tục rà soát cải tiến quy trình, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý song song với cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ. Phần đầu cải thiện tỷ lệ giao hàng đúng hạn nhưng chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

2.3 Về hoạt động kinh doanh.

- Hệ thống kinh doanh phát triển đồng bộ bán hàng ở tất cả các kênh (xuất khẩu, khách hàng doanh nghiệp, si, lẻ). Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Thực hiện thay đổi trung bày, giảm hàng tồn, kiểm soát và điều hành nguồn vốn hiệu quả hơn. Bước đầu phát triển kênh thương mại điện tử. Thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ kịp thời không làm giảm khả năng cạnh tranh. Nổi bật nhất là kênh bán si hoạt động năng động ngày càng hiệu quả.
- Công việc định vị nhân hàng: Đã thực hiện tái định vị nhân hàng PNJSilver.



■ BÁO CÁO KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

- Quản lý nhân hàng và hình ảnh nhận diện tiến dần đến đẳng cấp chuyên nghiệp. Các chương trình marketing sát thực và đã gắn kết chặt chẽ với chi nhánh vùng. Chức năng dẫn dắt xu hướng nhu cầu trang sức của khách hàng trong nước được định hình rõ nét hơn.
- Hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm toán độc lập thực hiện nghiêm túc và khách quan, báo cáo hoặc thư kiểm toán phản ánh đúng thực trạng tình hình tài chính của công ty.
- Tình hình tài chính của PNJ là lành mạnh, phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ đầy đủ pháp luật kế toán Việt Nam cũng như điều lệ và các quy định của PNJ.

2.4 VỀ HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ.

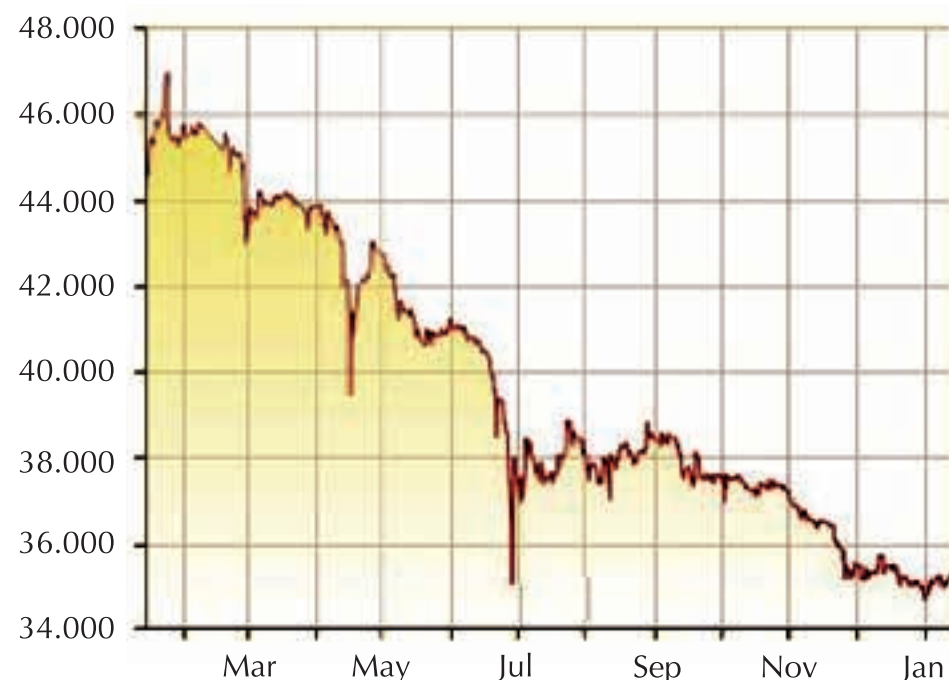
- Quản trị chặt chẽ các khoản đầu tư tài chính. Quản lý tốt các khoản vay nợ, tiết kiệm được chi phí lãi vay. Các khoản trích lập, hoàn nhập dự phòng tương ứng với tình hình thị trường và phù hợp với những rủi ro có thể xảy đến trong từng khoản đầu tư.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2014

- Thực hiện trách nhiệm của BKS trước cổ đông và công ty, để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo luật định, theo Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS. BKS dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2014 như sau:
- Duy trì việc giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác. Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, thành viên Ban tổng giám đốc và cổ đông.
- Giám sát tình hình và kết quả triển khai Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết và các quyết định, chỉ thị khác của HĐQT. Giám sát thực hiện các quy chế, quy định khác của PNJ.
- Tăng cường khả năng phân tích, cảnh báo rủi ro và thực hiện tốt hơn những tham mưu tầm chiến lược, chiến thuật nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho PNJ.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và các quy định riêng của PNJ.



■ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BIỂU ĐỒ GIÁ VÀNG NĂM 2013

Nhìn lại năm 2013, một năm ghi nhận nhiều thành tựu về mặt ổn định vĩ mô nhưng vẫn còn đó khá nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Đặc biệt là đề án tái cơ cấu nền kinh tế vẫn chưa có bước tiến đáng kể và điều này sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của những năm tiếp theo, trong khi kinh tế thế giới vẫn chưa thoát khỏi trạng thái bất ổn, một số quốc gia chìm trong các cuộc khủng hoảng chính trị. Tuy nhiên kinh tế Việt Nam có những dấu hiệu lạc quan khi tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 tăng 5,42% cao hơn mức tăng 5,3% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi.

Thị trường vàng chứng kiến nhiều biến động, đặc biệt là sự thay đổi trong chính sách nhà nước

về quản lý điều hành thị trường như việc triển khai áp dụng nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 3/4/2012, thông tư 22/2010/TT-NHNN ngày 29/10/2010, đã làm giảm mạnh tâm lý nắm giữ, đầu cơ vàng góp phần không nhỏ vào việc ổn định cung - cầu của thị trường vàng trong nước. Đồng thời phải kể đến việc giá vàng sụt giảm mạnh, kết thúc chu kỳ tăng kéo dài trong hơn một thập kỷ trước đó. Tuy nhiên các chính sách mới của chính phủ với mục tiêu quản lý hiệu quả thị trường vàng, cũng phần nào tạo được lợi thế và thách thức cho các doanh nghiệp lớn và uy tín, mà trong đó không thể thiếu PNJ - một doanh nghiệp đầu ngành.

Tại thị trường Việt Nam, giá vàng giảm tương đương 24% so với thời điểm cuối năm 2012.



I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013

Dvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	KH	2013	2012	+/- (%)	% HT
Tổng doanh thu	7,798,211	7,603,581	6,428,395	18%	98%
Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV	649,701	599,778	550,225	9%	92%
DT hoạt động tài chính	25,000	26,361	116,574	-77%	105%
Chi phí hoạt động tài chính	122,000	62,134	106,805	-42%	51%
Chi phí bán hàng	240,275	232,532	216,894	7%	97%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	86,420	91,804	76,961	19%	106%
Lợi nhuận trước thuế	240,406	240,005	280,003	-14%	100%
Lợi nhuận sau thuế	186,554	182,394	225,148	-19%	98%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	256,406	233,007	310,094	-25%	91%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	205,250	169,037	254,409	-34%	82%

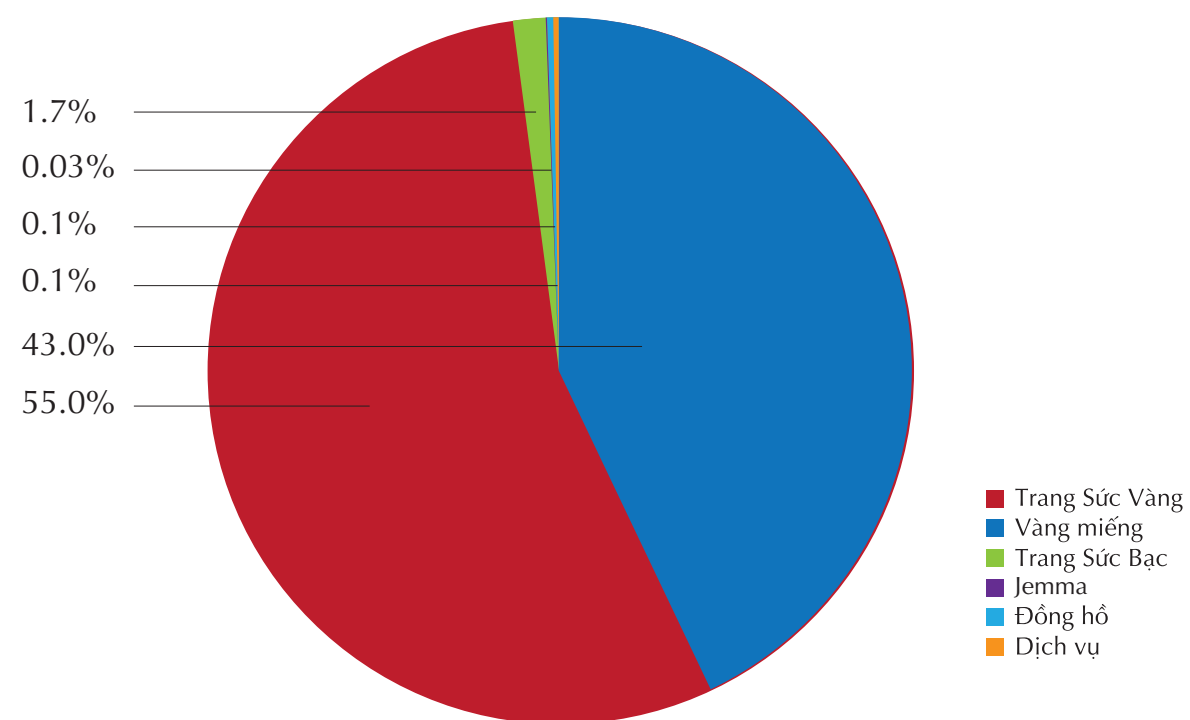
Doanh thu năm 2013 của công ty mẹ đạt 7.604 tỷ, tăng 18% so với cùng kỳ, đạt 98% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận gộp tăng 9%, hoàn thành 92% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 240 tỷ, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Mặc dù phải điều chỉnh giảm giá bán theo biến động giá vàng giảm trên thị trường, công

ty vẫn duy trì được mức tăng trưởng doanh thu tăng 18%. Tuy chưa hoàn thành kế hoạch đề ra, nhưng trong tình hình khó khăn như năm vừa qua, đây vẫn là tín hiệu lạc quan cho thấy thương hiệu PNJ đã xây dựng được vị thế vững chắc trong lòng người tiêu dùng và có chiến lược tiếp cận khách hàng hiệu quả.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM 2013



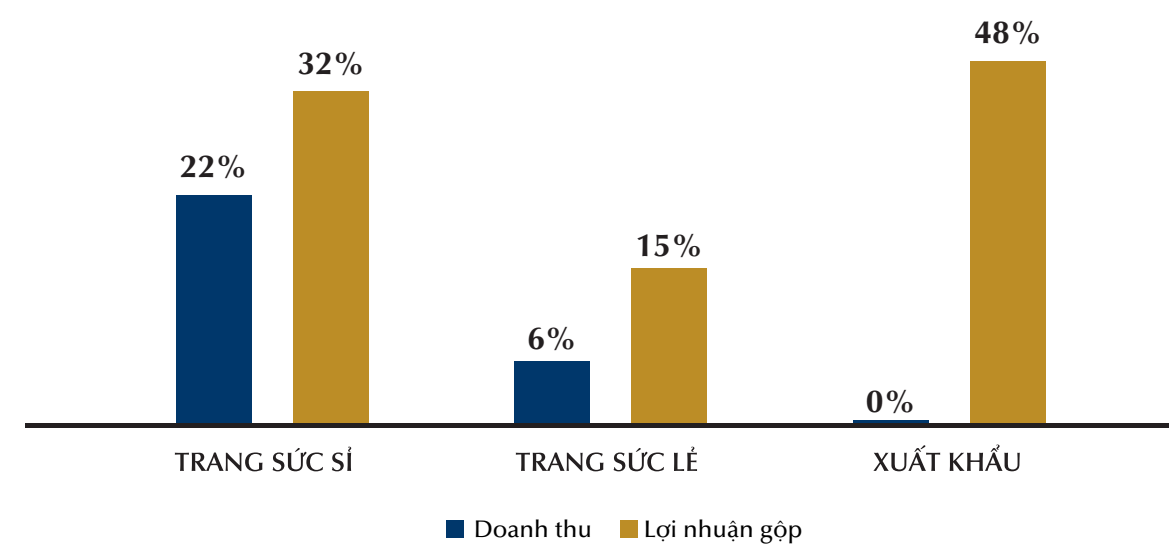
Đvt: triệu đồng

Doanh thu	2013	2012	Tỷ trọng	SSCk +/- (%)
Vàng miếng	3,268,239	2,609,487	43.0%	25%
Vàng trang sức	4,184,756	3,647,058	55.0%	15%
Bạc trang sức	131,427	155,778	1.7%	-16%
Đồng Hồ	10,422	6,207	0.1%	68%
Dịch vụ	8,737	9,865	0.1%	-11%
Tổng doanh thu	7,603,581	6,428,395	100.0%	18%

1. TRANG SỨC VÀNG PNJ

Là mảng kinh doanh chủ lực, đóng góp lên đến 55% doanh thu. Mặc dù giảm giá bán do giá vàng giảm, doanh thu trang sức vàng PNJ năm 2013 tăng 15%, đạt 4.185 tỷ (nếu loại trừ yếu tố giá vàng giảm thì doanh thu nhân hàng trang sức vàng tăng 25%). Trong đó mảng kinh doanh si tăng 22%, lẻ tăng 6%, xuất khẩu tương đương năm 2012.

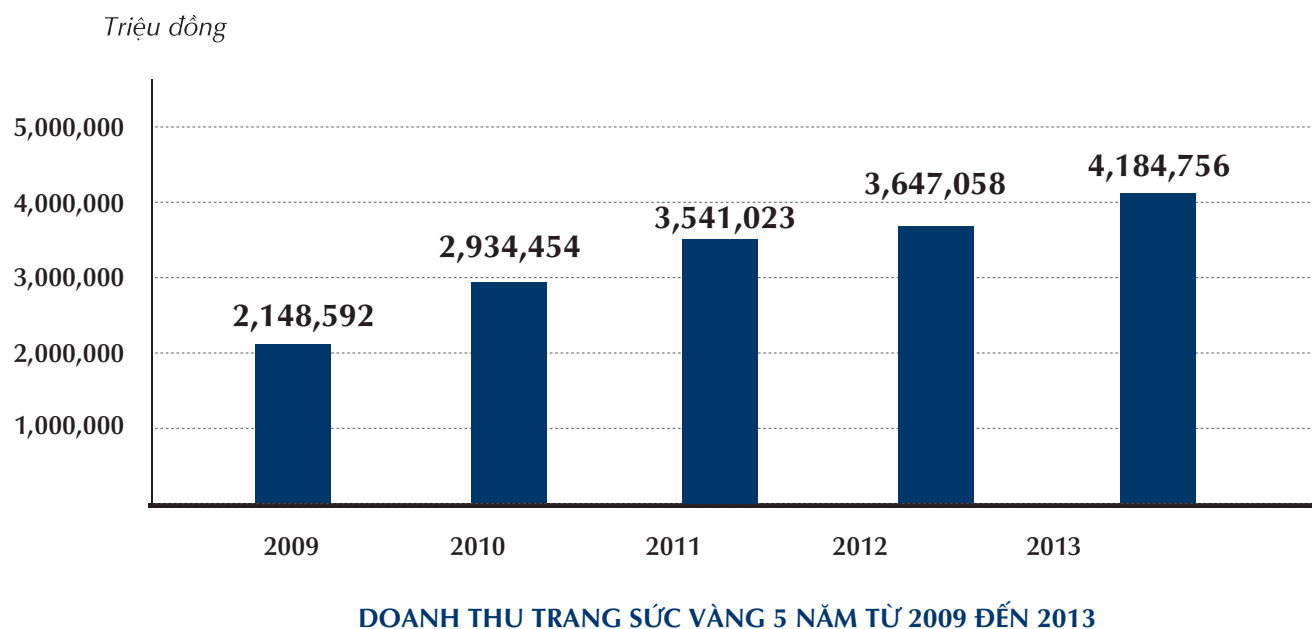
55%
Tổng doanh thu



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG THEO KÊNH BÁN HÀNG 2013



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



TRANG SỨC SỈ

Mảng kinh doanh trang sức sỉ là một trong những hoạt động có tốc độ tăng trưởng tốt nhất trong năm. Ngoài lợi thế từ thương hiệu cũng như công nghệ sản xuất hiện đại, trong năm 2013 bộ phận kinh doanh sỉ đã tích cực mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm nhiều đối tác mới trên khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó các sản phẩm cũng đa dạng hơn, chủ động khai thác các thị trường ngách tạo được lợi thế không nhỏ khi là người đi đầu.

Khách hàng ngày càng ưu chuộng các sản phẩm cao cấp có mẫu mã độc đáo, sản xuất tinh xảo, đây cũng là dòng sản phẩm thế mạnh, tạo sự khác biệt cho PNJ so với các đối thủ cạnh tranh nhờ chất lượng uy tín và mẫu mã tinh tế, đa dạng. Khi khách hàng ngày càng khắt khe hơn, các lợi thế này sẽ là nền móng vững chắc cho sự phát triển nhanh và mạnh mẽ hơn nữa của PNJ trong tương lai.

TRANG SỨC LẺ

Hoạt động kinh doanh trang sức lẻ là mảng kinh doanh trọng yếu: chiếm 40% doanh thu của trang sức vàng. Khác với mảng kinh doanh sỉ có đối tượng khách hàng tập trung, mảng kinh doanh lẻ có quy mô lớn và dàn trải, chính vì vậy tốc độ tăng trưởng luôn chậm hơn, đặc biệt là trong năm 2013 khi tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Bất chấp xu hướng giảm của thị trường chung, doanh thu bán lẻ trang sức vàng vẫn tăng 6%. Nếu loại trừ yếu tố giảm giá bán do giá vàng giảm, doanh thu bán lẻ tăng đến 25%, vượt kế hoạch đề ra.

XUẤT KHẨU

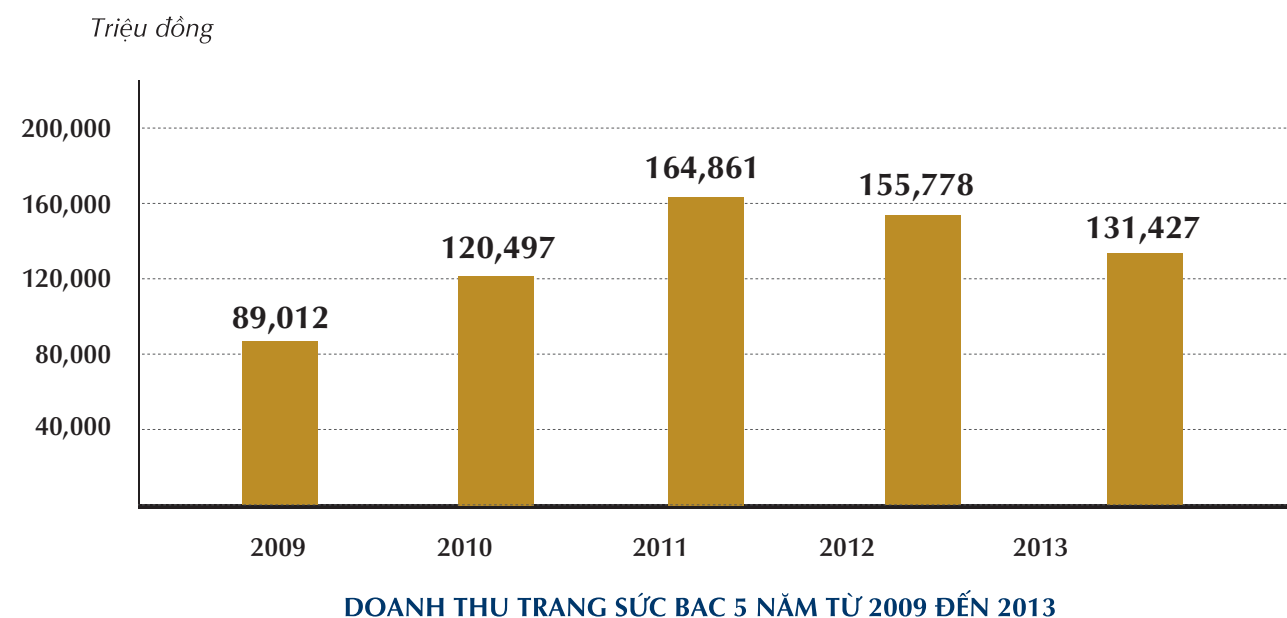
Không chỉ tại Việt Nam, tình hình kinh tế khó khăn cũng ảnh hưởng đến thị trường hàng tiêu dùng tại các nước trên thế giới trong đó có những thị trường xuất khẩu của PNJ như Mỹ, Châu Âu, Úc... Chính vì vậy doanh thu mảng xuất khẩu vàng trang sức năm 2013 không mấy khả quan. Đặc biệt khi các nước Châu Âu và Mỹ không có ảnh hưởng bởi "văn hóa vàng" như tại các nước Đông Á. Tuy nhiên đây là mảng kinh doanh chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (2%) trong tổng doanh thu trang sức vàng.

2. TRANG SỨC BẠC PNJSILVER

Vốn là dòng sản phẩm trang sức cao cấp dành cho khách hàng trẻ, mảng kinh doanh này đã bị ảnh hưởng mạnh trong năm 2013. Tổng doanh thu cả năm đạt 131 tỷ, giảm 16%.

Tuy chưa đạt như kỳ vọng nhưng trong năm 2013 với chiến lược thay đổi phù hợp, định vị lại khách hàng mục tiêu, trong quý 4 mảng kinh

doanh trang sức bạc đạt được những kết quả lạc quan. Doanh thu quý 4 tăng 5%, thay cho tình trạng tăng trưởng âm của 3 quý đầu năm, cải thiện mức giảm doanh thu từ 17% của 9 tháng xuống còn 16% vào cuối năm. Cùng với những thành công bước đầu này, PNJ kỳ vọng kết quả mang lại trong năm 2014 sẽ chuyển biến rõ nét hơn.



3. VÀNG MIẾNG

3.268 tỷ
— Tổng doanh thu —

Với lợi thế là một trong số 38 doanh nghiệp và tổ chức tài chính được nhà nước cấp phép kinh doanh vàng miếng, doanh thu vàng miếng cả năm của công ty đạt 3.268 tỷ, tăng 25% so với cùng kỳ.

Như đã biết, trong năm 2013 các chính sách về quản lý thị trường vàng có nhiều thay đổi, đặc biệt là việc Ngân hàng Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng (theo nghị định

24/2012/NĐ-CP, có hiệu lực từ cuối quý 4/2012) đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh doanh của các thương hiệu vàng miếng khác, trong đó có PNJ. Không còn lợi thế về chi phí sản xuất như khi kinh doanh vàng miếng mang thương hiệu riêng, biên lợi nhuận của mảng kinh doanh này giảm còn 0,5%. Tuy vậy vàng miếng vẫn đóng góp 3% lợi nhuận gộp và là nhân tố thu hút khách hàng đến chuỗi cửa hàng của PNJ.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



4. CÁC MẢNG KINH DOANH KHÁC

Chiếm 0,23% doanh thu là mảng kinh doanh đồng hồ và dịch vụ. Trong đó doanh thu đồng hồ tăng trưởng tốt nhờ vào các chương trình khuyến mãi và hoạt động mở rộng kinh doanh. Doanh thu các dịch vụ kiểm định, cho thuê nhà giám nhẹ.

5. HỆ THỐNG BÁN LẺ

Tính đến cuối năm 2013, PNJ có 169 cửa hàng. Trong năm 2013, BTGD tập trung nâng cấp cửa hàng, tăng diện tích bán hàng trên từng cửa hàng, tăng doanh thu trên m² bán hàng, do đó thay vì mở 14 cửa hàng như kế hoạch, chỉ 6 cửa hàng được mở mới nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất. Bên cạnh đó ban lãnh đạo cũng tích cực thực hiện các biện pháp và chỉ tiêu đo lường nhằm tăng hiệu suất hoạt động của các cửa hàng hiện tại.

Đồng thời, hình ảnh nhận diện, không gian bán hàng cũng được nâng cấp nhằm tạo không gian sang trọng cao cấp nhưng vẫn gần gũi, thoải mái khi khách hàng đến thăm quan mua sắm tại chuỗi cửa hàng PNJ.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ số về khả năng thanh toán luôn ở mức an toàn (>1). Trong năm 2013, nhờ áp dụng phần mềm mới trong quản lý hệ thống, số ngày tồn kho đã giảm đáng kể so với cùng kỳ. Như đã được đề cập phía trên, tỷ suất lợi nhuận gộp một số mảng kinh doanh như bạc, vàng miếng giảm kéo tỷ suất lợi nhuận chung giảm còn 7,9% so với mức 8,6% của cùng kỳ năm trước. Đồng thời phải kể đến việc thiếu vắng doanh thu từ thoái vốn công ty con cũng như

cổ tức được nhận từ các công ty liên doanh, liên kết, vốn chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng lợi nhuận năm 2012, lợi nhuận sau thuế năm 2013 giảm 19%. Đây cũng là lí do khiến các chỉ số về hiệu quả kinh doanh như ROA, ROE, tỷ suất lợi nhuận ròng giảm so với cùng kỳ. Nếu loại trừ thu nhập từ hoạt động tài chính, lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ tăng 48% nhờ tăng lợi nhuận hoạt động kinh doanh cốt lõi và giảm chi phí lãi vay.

	Đơn vị tính	2013	2012
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.18	1.17
Vòng quay khoản hàng tồn kho	Vòng	6.28	5.082
Số ngày tồn kho	Ngày	58.2	71.83
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	7.9%	8.6%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2.4%	3.5%
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	6%	9.2%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14%	19.1%

II. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

1. CÔNG TY TNHH MTV THỜI TRANG CAO

Vốn hoạt động 10 tỷ đồng, doanh thu đạt 43 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2,8 tỷ, tăng gấp 3,5 lần so với cùng kỳ. Đến cuối năm 2013, hệ thống phân phối của CAO gồm 10 cửa hàng, không thay đổi so với cuối năm 2012.

2. CÔNG TY TNHH MTV GIÁM ĐỊNH PNJ

Vốn hoạt động 10 tỷ đồng, doanh thu dịch vụ kiểm định năm 2013 đạt 10,5 tỷ đồng, tăng 56% so với năm 2012, lợi nhuận sau thuế đạt 3,6 tỷ, tăng nhiều lần so với mức 972 triệu của cùng kỳ năm trước. Với hoạt động dịch vụ kiểm định đá quý ngày càng có uy tín trên thị trường, giấy chứng nhận của PNJL được công nhận ngang giá trị với giấy chứng nhận của GIA- một thương hiệu kiểm định có uy tín cao nhất trên thế giới.

3. CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN (SFC)

Kể từ tháng 07/2013, SFC trở thành công ty con của PNJ với tỷ lệ sở hữu là 50,02% và kết quả kinh doanh của SFC cũng sẽ được hợp nhất vào báo cáo của công ty PNJ tính từ thời điểm tăng tỷ lệ sở hữu. Doanh thu thuần của SFC trong năm 2013 đạt 2.447 tỷ, tăng 17%, lợi nhuận sau thuế đạt 19,5 tỷ, tăng 1% so với cùng kỳ.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 5 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2013



1. HOÀN THIỆN VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC PHÙ HỢP VÀ HIỆU QUẢ

- Cùng với sự tư vấn của các chuyên gia về quản trị nhân sự, công ty đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình mới: Bổ sung đủ nhân lực ở những vị trí còn thiếu, hoàn tất bản mô tả công việc cho từng chức danh cụ thể theo chuẩn mực mới, tổ chức 65 chương trình đào tạo ngắn hạn và chuyên sâu giúp nâng cao trình độ nhận thức, kỹ năng chuyên môn cho CB-CNV và đặc biệt là khối kinh doanh bán lẻ.
- Xây dựng và áp dụng chính sách đãi ngộ phù hợp với bối cảnh và mặt bằng lao động chung của

thị trường, đủ sức hấp dẫn để lưu giữ và thu hút nhân sự có chất lượng cao.

- Áp dụng khung lương, thưởng và phụ cấp mới
- Hoàn thành xong các chỉ tiêu đánh giá KPIs cho hơn 80% các vị trí nhân sự.
- Thực hiện xuyên suốt các chương trình truyền thông nội bộ nhằm phát triển sâu rộng văn hóa doanh nghiệp đến toàn thể cán bộ công nhân viên, trong đó nổi bật là chương trình truyền thông kỷ niệm 25 năm thành lập, hiểu rõ sứ mệnh và tầm nhìn của công ty gắn liền với từng cá nhân trong PNJ và chương trình chuẩn bị sẵn sàng cho doanh nghiệp trong giai đoạn hội nhập.

2. NÂNG CẤP HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỦ NĂNG LỰC ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHỤC VỤ CÁC NGHIỆP VỤ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ HIỆU QUẢ:

- Lấy công nghệ thông tin là nền móng cho sự phát triển. Công nghệ thông tin đã được quan tâm đầu tư đúng và đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển và được chỉ đạo sâu sát từ HĐQT và BTGD, giúp cho dự án ERP sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng, đáp ứng được nhu cầu quản lý của hệ thống kinh doanh và quản trị tài chính được sâu sát, kịp thời, giúp tăng trưởng doanh thu, giảm thiểu tồn kho và tiết kiệm chi phí.
- Đồng thời công tác đào tạo huấn luyện cho cán bộ công nhân viên cũng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo tất cả các cấp quản lý cũng như nhân viên vận hành trực tiếp có thể hiểu rõ và sử dụng chương trình phục vụ quản trị điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. CẢI TIẾN VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUY TRÌNH NỘI BỘ PHÙ HỢP QUY TRÌNH QUẢN TRỊ MỚI VÀ KIỂM SOÁT ĐƯỢC TÍNH HIỆU QUẢ:

- Công ty đã hoàn thành xây dựng, chuẩn hóa và triển khai các quy trình trọng yếu liên quan đến các hoạt động: mua hàng, bán hàng, đặt hàng và thiết kế.
- Công tác kiểm tra đánh giá cũng được thực hiện thường xuyên, định kỳ kết hợp với các đợt kiểm tra đột xuất nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy trình chuẩn đã được xây dựng. Công tác đo lường hiệu quả các quy trình trọng yếu đã được triển khai.
- Phòng quản trị hiệu quả mới thành lập, công tác đo lường hiệu quả 9 quy trình trọng yếu đã được triển khai và đo lường, dự kiến cuối tháng 6/2014 nghiệm thu đánh giá.

4. CUNG ỨNG ĐẦY ĐỦ CÁC YÊU CẦU CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH DOANH VỚI CHI PHÍ CẠNH TRANH HỢP LÝ:

- Chuyển qua nhà máy mới hơn một năm (từ tháng 10 - 2012) nhưng xí nghiệp nữ trang mới đã nhanh chóng ổn định sản xuất và hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình quản trị mới. Nhờ đó tỷ lệ đáp ứng đơn hàng trong năm 2013 đạt đến 95%, đồng thời chi phí hao hụt cũng giảm đáng kể, tiết kiệm được 1.350 chỉ vàng so với năm 2012 (tương đương 4,7 tỷ đồng).
- Để tăng hiệu quả hoạt động, quy trình công nghệ đã được đầu tư – cải tiến, chi tiết tại các hạng mục sau:
 - Quy trình sản xuất dây máy được nâng cấp và rút ngắn, đang trong quá trình đo lường hiệu quả.
 - Đầu tư bổ sung công nghệ xi hàng giá kim.
 - Tăng số lượng và nâng cao tay nghề của đội ngũ thợ nữ trang cao cấp, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng của hàng cao cấp làm tăng thêm sức mạnh của thương hiệu PNJ, đồng thời cạnh tranh trực tiếp với hàng ngoại.
 - Công tác đào tạo nghề cũng như hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới vẫn luôn được tập trung đầy đủ và toàn diện. Trong năm 2013, ngoài các lớp đào tạo nghề chính (công đoạn phụ trách chính), công nhân còn được tham gia đào tạo các công đoạn phụ giúp họ có chuyên môn đa dạng hơn.

5. ĐẠT CÁC CHỈ TIÊU DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN THEO KẾ HOẠCH:

Như đã được phân tích chi tiết trong phần kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2013 vì nhiều lí do khách quan và chủ quan PNJ không hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên tổng doanh thu đạt 98% kế hoạch, riêng doanh thu trang sức vàng tăng 15% so với cùng kỳ là sự nỗ lực lớn lao và đem lại lợi nhuận trước thuế đạt 100% so với kế hoạch năm 2013.

■ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Công tác quản trị rủi ro là nhân tố quan trọng, góp phần mang lại sự phát triển bền vững cho mỗi doanh nghiệp. Ý thức được điều đó, ban lãnh đạo của công ty đã tập trung xây dựng quy trình quản trị rủi ro ngay từ những ngày đầu thành lập và coi việc hoàn thiện công tác này là một trong những mục tiêu trọng yếu của doanh nghiệp.

1. QUẢN LÝ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

- **Xác định mục tiêu, tầm nhìn dài hạn phù hợp** chính là kim chỉ nam mang lại sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Với tầm nhìn được xác định sẽ “Là công ty chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu tại Châu Á, giữ vị trí số một trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ nhắm tới tại Việt Nam”, ban lãnh đạo đã cùng các chuyên gia tư vấn nước ngoài lập ra chiến lược phát triển cho giai đoạn 10 năm từ 2012 đến 2022. Theo đó, các mục tiêu được xác định cụ thể cho từng giai đoạn phát triển sao cho sát với tình hình thực tiễn. Năm 2013 là năm đầu tiên thực thi các chương trình chuyển đổi theo chiến lược đã xây dựng, không tránh khỏi những khó khăn và hoài nghi ban đầu nhưng với sự kiên quyết và chỉ đạo sát sao từ BTGD, các chương trình thông qua các dự án đã bước đầu phát huy tác dụng tạo được niềm tin trong nội bộ cũng như sự uy tín về công cuộc đổi mới là tiền đề phát triển vững chắc trong tương lai. Phòng Quản trị Chiến lược mới được thành lập đã kịp thời theo dõi, đánh giá việc thực thi của từng dự án, qua đó phát hiện và điều chỉnh các điểm chưa phù hợp, với mục tiêu cuối cùng là đạt được tầm nhìn chiến lược đã đề ra.
- **Quy trình và các chỉ tiêu đánh giá** cũng được xây dựng một cách toàn diện nhằm đảm bảo quá trình thực hiện bám sát các mục tiêu chiến lược. Trong năm 2013 công ty đã bắt đầu xây dựng các bộ chỉ tiêu đánh giá KPI, cho phép theo dõi hiệu quả hoạt

động của từng vị trí nhân sự cũng như các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của toàn công ty. Mục tiêu công việc của mỗi cá nhân được xây dựng gắn liền với tầm nhìn chiến lược chung của toàn công ty.

- **Chú trọng xây dựng thương hiệu**, tạo nên sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh. Một thương hiệu mạnh không chỉ giúp doanh nghiệp phát triển mà còn là công cụ bảo vệ doanh nghiệp trước những rủi ro trong kinh doanh. Sớm nhận thức được điều đó, ngay từ những ngày đầu thành lập, công tác xây dựng thương hiệu đã được tập trung đầu tư bài bản, khoa học, lấy nền tảng là 5 giá trị cốt lõi: Trung thực – Chất lượng – Trách nhiệm – Sáng tạo – Đổi mới. Nhờ đó, PNJ tự hào là thương hiệu trang sức hàng đầu Việt Nam và luôn được khách hàng tin tưởng trong suốt hơn 25 năm qua. Năm 2013 đánh dấu cột mốc 25 năm hình thành và phát triển, PNJ đã có nhiều chương trình nhằm tôn vinh giá trị thương hiệu, sự kiện Golden Night - kỷ niệm 25 năm thành lập với thông điệp truyền thông “Tôn vinh giá trị đích thực” đã tạo được tiếng vang và nâng giá trị thương hiệu PNJ lên tầm cao mới.

2. RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

- **Rủi ro về chính sách:** Để giảm thiểu tác động từ thay đổi chính sách đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, công ty luôn cập nhật các chủ trương và chính sách mới của nhà nước để xây dựng kế hoạch hành động phù hợp. Công tác báo cáo, quyết toán được thực hiện đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng các quy định hiện hành.

Không dừng lại ở đó, thông qua các cuộc họp cấp cao, ban lãnh đạo của Công ty cũng tích cực đóng góp ý kiến nhằm giúp chính phủ có cái nhìn thấu đáo về môi trường kinh doanh, chung tay cùng nhau tìm giải pháp xây dựng và phát triển ngành trang sức Việt Nam lớn mạnh hơn, sánh vai cùng các cường quốc trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ.

- **Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào** được kiểm soát chặt chẽ thông qua việc phân tích thị trường và chính sách quản lý về giá của công ty. Phần mềm tin học ERP được xây dựng thành công, góp phần không nhỏ giúp ban lãnh đạo quản lý hiệu quả hàng tồn kho, quản trị điều hành kế hoạch sản xuất nhịp nhàng, nguyên liệu đầu vào đúng lúc, đúng kế hoạch và được cân đối giá đầu vào và đầu ra phù hợp, đảm bảo tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng.

- **Rủi ro về cạnh tranh trên thị trường lao động:** Để duy trì và phát triển nguồn nhân lực dày dặn kinh nghiệm và có tay nghề cao như hiện nay, một mặt công ty chú trọng chăm lo quyền lợi cho người lao động thông qua các chính sách về lương thưởng xứng đáng với kết quả công việc. Mặt khác công tác đào tạo cũng được đầu tư nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa có chuyên môn phù hợp, sẵn sàng cho các nhiệm vụ được giao. Đặc biệt văn hóa doanh nghiệp của PNJ luôn được chăm sóc và bồi đắp qua nhiều năm là tài sản quý giá tạo nên chất keo gắn bó giữa những con người PNJ.

3. QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT:

- Để tránh các **rủi ro về an toàn lao động trong sản xuất**, các quy trình quản lý được áp dụng khoa học theo các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001-2008, 5S. Các máy móc thiết bị nhập khẩu được các chuyên gia nước ngoài kiểm định và hướng dẫn vận hành thông suốt. Ngoài ra để tăng cường phòng ngừa rủi ro, toàn bộ công nhân và cán bộ xí nghiệp nữ trang đều được mua bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ.
- **Rủi ro về môi trường:** Ngoài các chứng nhận về môi trường được cấp bởi các cơ quan ban ngành có liên quan, xí nghiệp nữ trang đã được cấp chứng chỉ ISO 14000 về đảm bảo an toàn môi trường. Tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường sản xuất.

- **Rủi ro về thất thoát hàng hóa:** Chương trình ERP phân hệ sản xuất cho phép cán bộ quản lý có thể kiểm soát hàng hóa tại từng khâu sản xuất vào bất cứ thời điểm nào trong ngày. Tại điểm bắt đầu và kết thúc quy trình, hàng hóa được kiểm tra cả về trọng lượng và chất lượng giúp tránh thất thoát hàng hóa.

4. RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH:

- **Các chỉ số về thanh khoản** luôn đảm bảo ở mức an toàn. Các khoản nợ ngắn hạn (chiếm hơn 90% các khoản vay) được cân đối bằng hàng tồn kho. Khác với các ngành kinh doanh khác, hàng tồn kho của công ty phần lớn là nguyên liệu và hàng hóa vàng vốn có tính thanh khoản cao, là yếu tố đặc thù giúp giảm thiểu rủi ro về thanh khoản.

• Rủi ro về chi phí hoạt động

- **Kiểm soát lãi vay:**
+ Bộ phận tài chính luôn tích cực tìm kiếm các nguồn vốn có chi phí rẻ cũng như linh động trong việc lựa chọn đối tác và sản phẩm vay phù hợp.
+ Cân đối các khoản vay – tồn kho nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp

- **Tiết kiệm chi phí:** Thông qua các chỉ tiêu đo lường về hiệu quả hoạt động, các chi phí không cần thiết hoặc chưa phù hợp trong thời điểm hiện tại được cắt giảm. Chỉ tiêu ngân sách được quản lý chặt chẽ và báo cáo định kỳ giúp BTGD theo dõi sát tình hình chi phí của toàn công ty.



■ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



V. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2013

Trong năm 2013, bộ phận quan hệ nhà đầu tư đã tổ chức gặp hơn 100 nhà đầu tư đại diện cho hơn 40 quỹ đầu tư, công ty chứng khoán trong và ngoài nước. Ngoài ra công ty cũng thông qua các hội thảo lớn được tổ chức bởi quỹ Dragon Capital, Vietnam Holding, CTCK Bản Việt và CTCK Kim Eng để chủ động trao đổi thông tin với các nhà đầu tư tiềm năng.

Nhờ được đầu tư chuyên nghiệp hơn, báo cáo thường niên năm 2012 của PNJ được đánh giá là một trong 30 báo cáo thường niên tốt nhất trong Cuộc bình chọn BCTN 2012 do Số Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và báo Đầu tư Chứng khoán đồng tổ chức.



VI. KẾT LUẬN

Đứng trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, bằng nỗ lực của mình công ty PNJ đã đạt được những kết quả tăng trưởng vượt trội, một lần nữa khẳng định tính đúng đắn của chiến lược giai đoạn 2012 - 2022, mà trong đó việc tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi và phát huy sức mạnh nội lực được đặt lên hàng đầu. Tiếp nối những thành công này, năm 2014 hứa hẹn sẽ là một năm khởi sắc hơn với bộ máy quản lý đã được hoàn thiện và củng cố toàn diện.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ THEN CHỐT NĂM 2013



Những năm gần đây, chúng ta vẫn thường nghe nói nhiều về việc các công ty nên coi trọng nguồn nhân lực. Làm thế nào để sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong doanh nghiệp? Thật vậy, việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực là một điều bắt buộc đối với một doanh nghiệp. Khi điều kiện các doanh nghiệp về nguồn lực như nhau: Tài chính, Công nghệ kỹ thuật, Trang thiết bị và máy móc, Thông tin, Thời gian, và Văn hóa công ty (hoặc các tài sản vô hình) thì doanh nghiệp nào có nguồn nhân lực giỏi hơn, doanh nghiệp đó sẽ chiếm ưu thế vượt trội.

Nhận thức rõ điều này, Ban lãnh đạo công ty PNJ đã quyết tâm xây dựng một đội ngũ nhân lực vững mạnh. Từ cuối năm 2012, công ty đã thực hiện tái cơ cấu tổ chức. Với sự tư vấn của các chuyên gia uy tín từ nước ngoài, sự quyết liệt từ Ban lãnh đạo, công ty PNJ đến nay đã có được một sơ đồ tổ chức phù hợp hơn và quy hoạch được nguồn nhân lực đáp ứng theo mô hình quản trị hiện đại của một công ty sản xuất trang sức quy mô lớn cùng với hệ thống chuỗi bán lẻ lớn mạnh và chuyên nghiệp. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn và tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày

càng gay gắt thì sau tái cơ cấu tổ chức, việc sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong năm 2013 là mục tiêu hàng đầu, được xem là một định hướng đúng đắn và mang tầm chiến lược từ Ban lãnh đạo công ty PNJ.

Trong những ngày đầu năm 2013, Ban lãnh đạo công ty và quản lý cấp cao các Phòng ban đã nhận dạng và cùng thống nhất mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong năm 2013, 2014 với các giải pháp chính như sau:

- Xây dựng sơ đồ tổ chức, bản mô tả công việc, tiêu chuẩn đánh giá thành tích
- Xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh
- Đẩy mạnh truyền thông nội bộ
- Đánh giá, sàng lọc nhân sự.
- Thu hút tài năng
- Đào tạo

Xây dựng sơ đồ tổ chức, bản mô tả công việc, tiêu chuẩn đánh giá thành tích (kpi) cho phù hợp với định hướng phát triển mới.

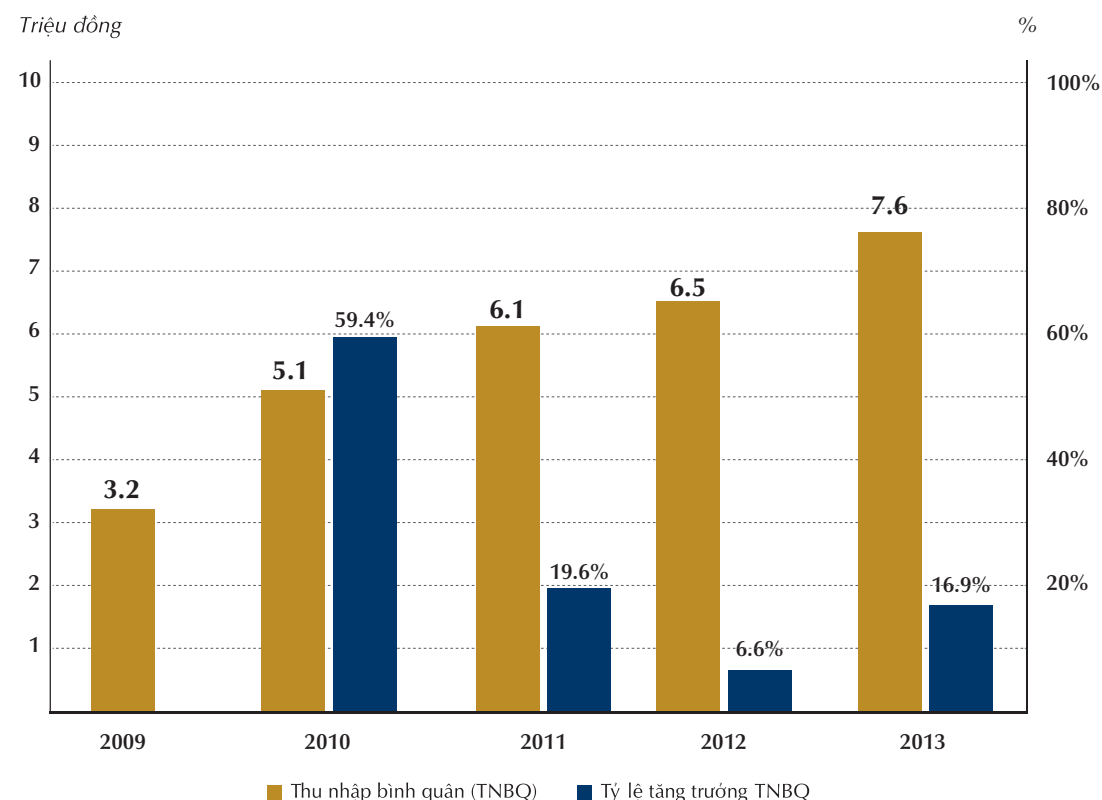
Sau khi tái cơ cấu tổ chức công ty, các phòng ban đều bắt tay vào việc xây dựng lại sơ đồ tổ chức, đồng thời điều chỉnh lại chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. Trong đó, thay đổi lớn nhất là Phòng Bán lẻ và Xí nghiệp nữ trang, đây là hai đơn vị đầu tàu có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả doanh thu của công ty. Trong năm qua hai đơn vị này đã hoàn tất sơ đồ tổ chức mới và quy hoạch số lượng, chất lượng nhân sự cần thiết cho đơn vị mình. Bảng mô tả công việc cũng được mô tả rõ ràng hơn cho

từng vị trí, đồng thời xây dựng hệ thống đánh giá thành tích theo phương pháp Balance Score Cards đến cấp quản lý. Ngoài ra, trong năm 2013, công ty cũng thành lập thêm Phòng quản trị chiến lược và Phòng quản trị chất lượng, hai đơn vị này ra đời là vấn đề tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu mang tầm chiến lược và tính hệ thống cao đối với công ty có quy mô lớn như PNJ.

XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ CẠNH TRANH.

Về chế độ đãi ngộ, từ trước đến nay PNJ là công ty có chính sách đãi ngộ khá tốt trên thị trường lao động Việt Nam. Tuy nhiên, chính sách chưa mang tính kích thích cao nên trong năm 2013 công ty đã tập trung xây dựng hệ thống ngạch bậc, thang bảng lương, chính sách lương theo phương pháp 3p với sự tư vấn của Haygroup, đơn vị có uy tín trên thị trường về tư vấn dịch vụ nhân sự. Công ty cũng thay đổi hình thức tính thưởng đối với khối kinh doanh, tạo động lực cho nhân viên, thúc đẩy

NHỮNG HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ THEN CHỐT NĂM 2013



BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG THU NHẬP BÌNH QUÂN 5 NĂM TỪ 2009 ĐẾN 2013

doanh số. Đồng thời áp dụng tính lương sản phẩm theo hệ số quy đổi đối với một số bộ phận sản xuất thuộc Xí nghiệp nữ trang. Bên cạnh đó, công ty cũng điều chỉnh mức lương đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với thị trường, bổ sung các chế độ phúc lợi như bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và cấp quản lý. Nhìn chung trong năm 2013, công ty đã có sự điều chỉnh mạnh đối với chính sách đãi ngộ và mang đến sự hài lòng nhất định cho nhân viên.

TĂNG CƯỜNG TRUYỀN THÔNG NỘI BỘ

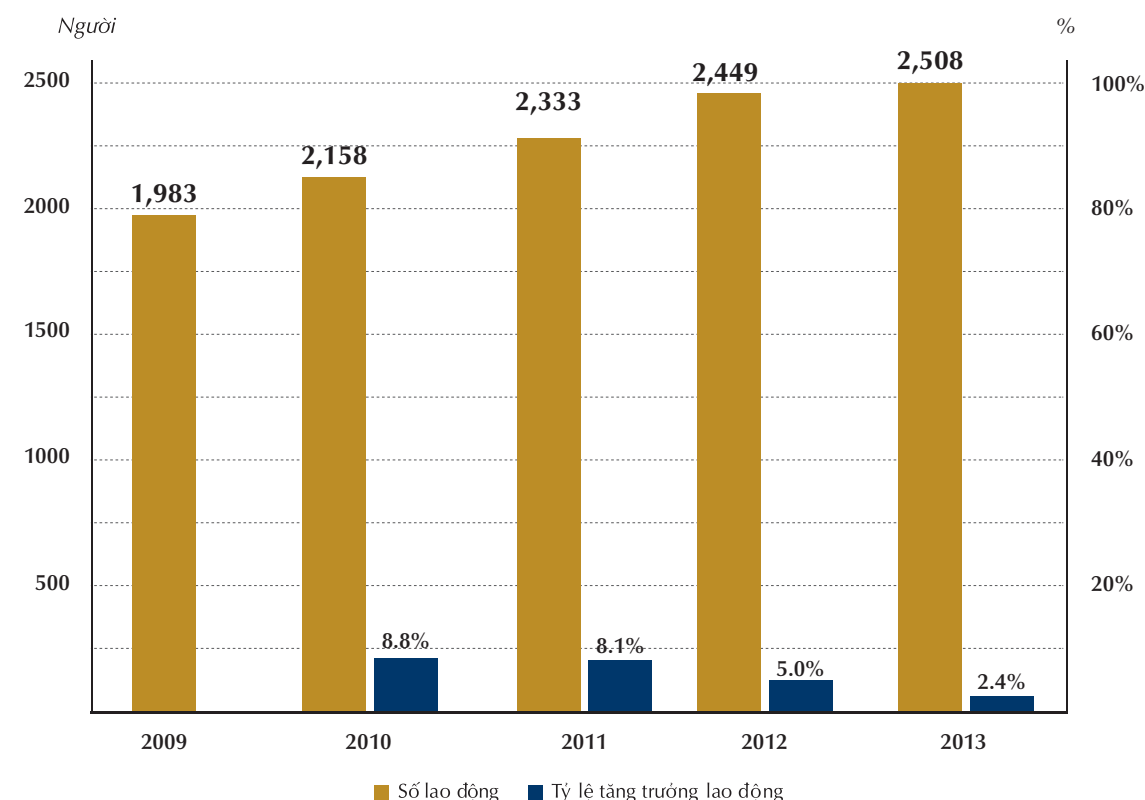
Năm 2013 được xem là năm bản lề của sự thay đổi tại PNJ. Chính vì thế, hoạt động truyền thông nội bộ là công tác được quan tâm, chú trọng. Mục tiêu của truyền thông nội bộ nhằm giúp nhân viên thấu hiểu ý nghĩa tích cực sự thay đổi của công ty. Tuyên truyền để nhân viên có ý thức, trách nhiệm và hoàn thiện mình hơn trong công việc. Do đó nhiều nỗ lực cho những chương trình cải cách năm 2013 nên mặc dù công tác truyền thông nội bộ được quan tâm hơn nhưng thật sự tính phổ biến và hiệu quả của hoạt động này chưa tương xứng với sự thay đổi lớn của công ty, do vậy, công tác này cần được đầu tư đúng mức hơn nữa trong năm 2014.

ĐÁNH GIÁ, SÀNG LỌC NHÂN SỰ

Chương trình đánh giá sàng lọc nhân sự là công cụ hữu hiệu cho kế hoạch sử dụng nguồn lực hiệu quả. Việc rà soát lại định biên, chất lượng nhân sự được thực hiện ở cả ba khối: Sản xuất, Kinh doanh, Văn phòng. Tuy nhiên, chủ yếu vẫn ở Xí nghiệp Nữ trang và Phòng bán lẻ vì hơn 80% nhân sự công ty tập trung ở hai đơn vị này. Tháng 9 vừa qua, công ty đã tổ chức đánh giá đội ngũ giám sát kinh doanh, là đội ngũ có sự ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh của hệ thống. Mục tiêu của việc đánh giá này nhằm xác định những nhân sự đủ chất lượng cho vị trí công việc mới, đồng thời điều chuyển cất giữ nhân sự không đáp ứng trình độ, khả năng chuyên môn. Vì số lượng nhân sự khối kinh doanh rất lớn nên trong năm tới, công ty sẽ tiếp tục đánh giá, sàng lọc tiếp đến nhóm cửa hàng trưởng và nhân viên bán hàng.

THU HÚT TÀI NĂNG

Bên cạnh việc sàng lọc nhân sự, thu hút nhân sự tài năng cũng là giải pháp được thực hiện trong năm 2013. Ban lãnh đạo công ty nhận thấy rằng ngoài



BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG LAO ĐỘNG 5 NĂM TỪ 2009 ĐẾN 2013

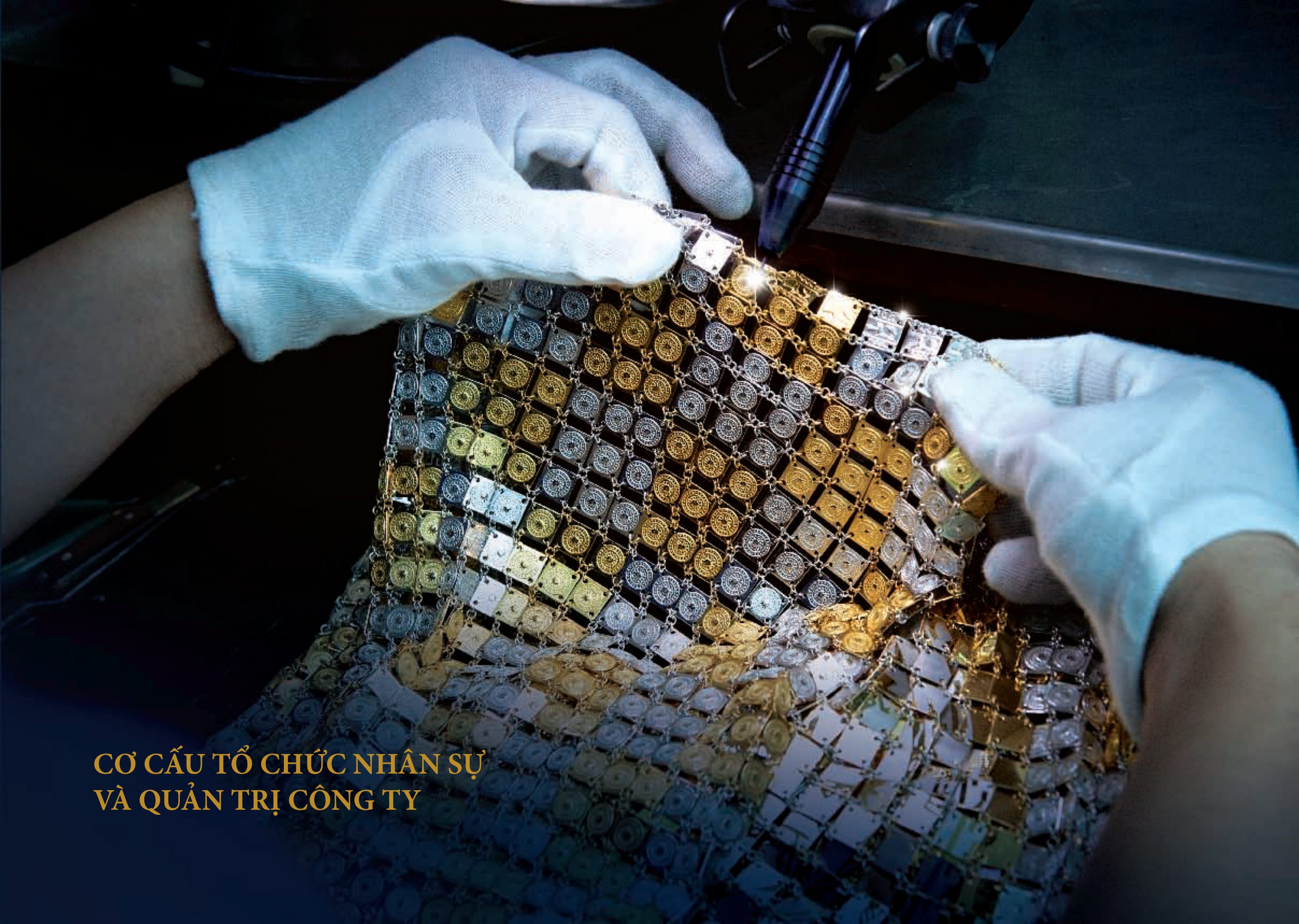
đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm hiện tại, PNJ cần bổ sung nguồn lực mới để tiếp thu thêm những kiến thức hay, phương pháp mới từ bên ngoài. Sự kết hợp giữa nhân sự cũ và mới sẽ là sự cộng hưởng tuyệt vời để công ty phát triển bền vững. Hội nhập văn hóa với nhân sự mới không phải là điều dễ dàng. Tuy nhiên, bằng sự hỗ trợ từ Ban lãnh đạo, văn hóa mới từ các Phòng ban, trong năm 2013 các nhân sự mới được tuyển dụng cũng thuận lợi hơn trong việc hội nhập tại PNJ và đã có những tín hiệu tích cực trong việc đóng góp vào kết quả chung của công ty. Giải pháp này sẽ tiếp tục thực thi trong năm 2014.

ĐÀO TẠO

Những công ty xem trọng hoạt động đào tạo sẽ là công ty có sự phát triển bền vững. Hơn nữa, ở công ty có quy mô lớn và dạng chuỗi như PNJ thì đào tạo chuẩn và đồng nhất về chất lượng nhân sự là điều tối cần thiết. Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng là chỉ số quan trọng trong mục tiêu kinh doanh của công ty. Nhận thức rõ điều này, Ban lãnh đạo công ty đã rất quan tâm đến hoạt động đào tạo trong năm 2013 và sẽ triển khai sâu rộng

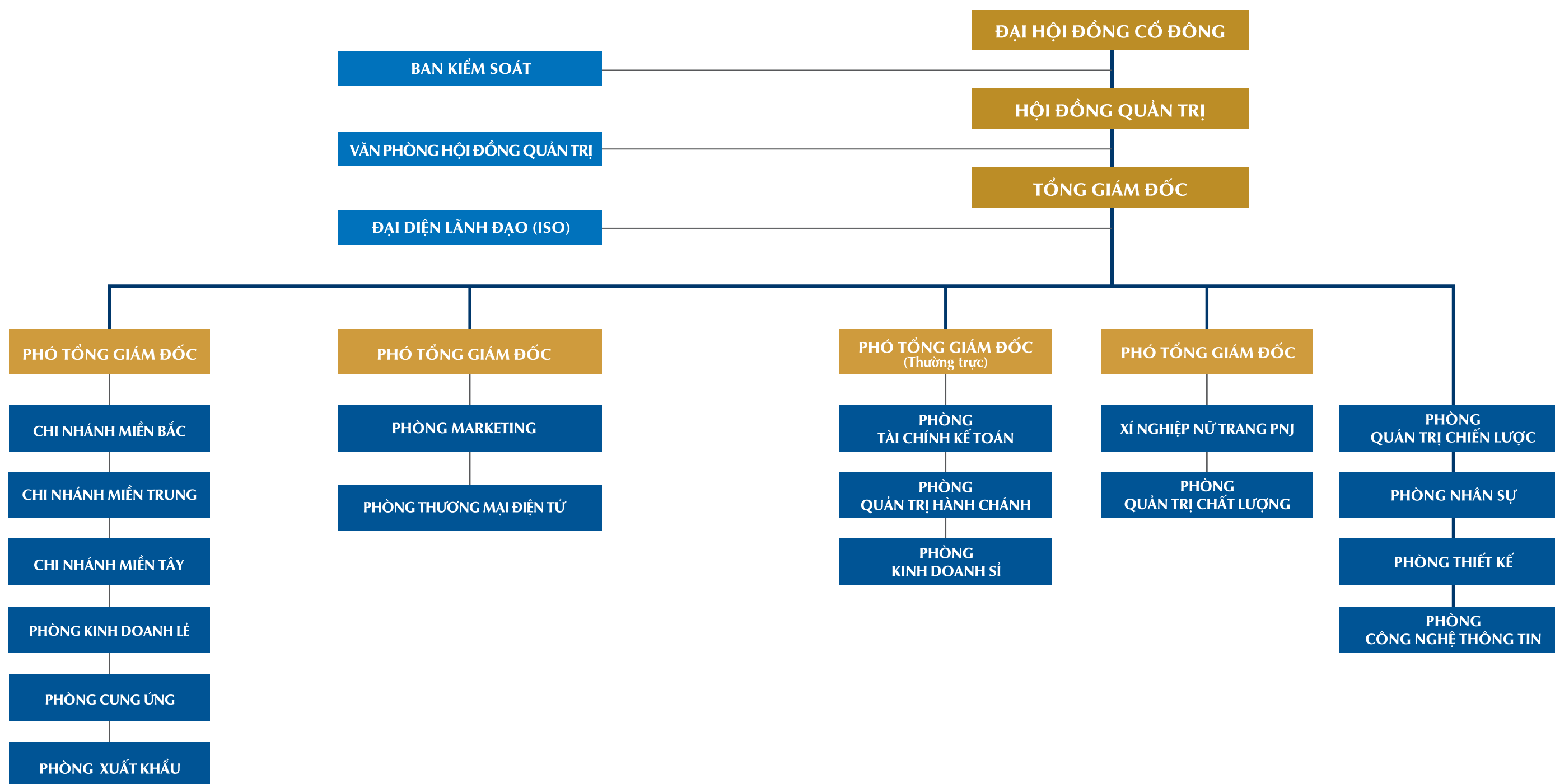
trong năm 2014. Công ty cũng đã mời các chuyên gia ngành bán lẻ nữ trang có uy tín trên thế giới về giảng dạy cho đội ngũ quản lý cấp cao học tập và chia sẻ kinh nghiệm. Tài liệu đào tạo cho khối kinh doanh được xây dựng chi tiết, chuẩn hóa và sinh động hơn. Đội ngũ nhân sự phục vụ cho công tác đào tạo được đầu tư thêm cả về số lượng lẫn chất lượng. Trang thiết bị, công cụ, phương tiện giảng dạy cũng được hỗ trợ tối đa. Dự kiến năm 2015, công ty sẽ thành lập trung tâm đào tạo PNJ. Như vậy hoạt động đào tạo tại PNJ ngày càng mang tính quy mô và chuyên nghiệp hơn.

Nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực là một điều không dễ và phải quyết liệt, kiên trì theo đuổi thì doanh nghiệp mới có thể thành công. Để làm được điều này, năm 2013 là một năm hết sức nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty PNJ. Với những kết quả khả quan trong công cuộc đổi mới năm 2013, cùng với mục tiêu, sự quyết tâm cao độ và những giải pháp rõ ràng, càng củng cố niềm tin PNJ sẽ thành công đối với việc tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong năm 2014.



CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

■ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1



2



3



4



5



6



7

1 Bà CAO THỊ NGỌC DUNG - CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1957
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân Kinh tế thương nghiệp,
 ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1984 - 1985: Phó phòng Kế hoạch Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Phú Nhuận
1985 - 1987: Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Nông sản thực phẩm Quận Phú Nhuận
1988 - 2003: Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1990: Giám Đốc Trung tâm Tín dụng Phú Gia
1991 - 1992: Giám Đốc Công ty Thương mại Phú Nhuận
1992 - 1997: Chủ tịch HĐQT Ngân Hàng TMCP Đông Á
2003 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Đông Á
2004 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2005 - 2011: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Năng lượng Đại Việt

4 Ông NGUYỄN TUẤN QUỲNH - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1972
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Tiến Sĩ Quản trị kinh doanh, Paramount University
 - Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Mở bán công TP.Hồ Chí Minh
 - Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1994 - 2005: - Trợ lý TGD, Phó phòng Kinh doanh Gas Saigon Petro
 - Ủy viên Hội Quản Trị Công ty Cổ Phần Dầu Khí Saigon Phú Yên.
 - Ủy viên Hội Quản Trị Công ty Cổ Phần Dầu Khí Saigon Nghệ An.
2005 - 2007: Phó Tổng Giám đốc Saigon Gas
2007 - 2011: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Năng lượng Đại Việt
2007 - 2010: Chủ tịch HĐQT Công ty Bình Khí Đốt Hong Vina
2007 - 2012: Phó Tổng Giám đốc CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2007 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Đào tạo Doanh Chủ
2008 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn SFC

2 Bà NGUYỄN THỊ CÚC - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1960
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
 ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Chuyên viên Phòng Thống kê - Kế hoạch Quận Phú Nhuận
1988 - 1995: Kế toán trưởng Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1996 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Ngân hàng TMCP Đông Á
2004 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc thường trực Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

5 Ông ANDY HO - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1972
Quốc tịch: Mỹ
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cao học MIT (Mỹ)
 Cử nhân Kế toán, ĐH Colorado (Mỹ)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2000 - 2004: Giám đốc Đầu tư Dell Computer Corp (Mỹ)
2004 - 2007: Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Prudential
2007 - nay: Trưởng đại diện VPĐD VinaCapital

6 Bà PHẠM VŨ THANH GIANG - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1983
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, University of Applied Sciences Northwestern Switzerland
 - Cử nhân Tài chính Ngân hàng, ĐH Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2005 - 2006: Nhân viên Aon Việt Nam
2007 - nay: Trưởng phòng Mekong Capital

3 Ông NGUYỄN VŨ PHAN - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1956
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Bách khoa TP.Hồ Chí Minh
 - Kỹ sư rèn dập - chế tạo máy, ĐH Bách khoa HN

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1978 - 1985: Trưởng Ban Công nghệ Xí nghiệp Caric
1985 - 1987: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Thiết bị toàn bộ (Số Công nghiệp TP. HCM)
1987 - 1996: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Công nghệ mới (COTEC), Phân viện KHVN tại TP.Hồ Chí Minh
1996 - 1999: Phó Giám đốc Xí nghiệp may Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương
1999 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2004 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

7 Bà NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Vanderbilt University USA
 - Chứng chỉ Kinh tế học ứng dụng vào phân tích chính sách, Chương trình Fulbright VN
 - Cử nhân Kinh tế ngoại thương, ĐH Kinh tế TP.HCM

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1992 - 1999: Trưởng phòng Kinh doanh Chi nhánh TP.HCM Công ty XNK Phú Yên
2001 - 2008: Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Á
2006 - 2009: Cố vấn, thành viên HĐQT của Doanh nghiệp Phát triển Cộng Đồng Bình Minh
2010 - nay: Cố vấn cao cấp của Trường Đào tạo Quản lý doanh nghiệp CBAM

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1



2



3



4



5

1 Bà CAO THỊ NGỌC DUNG - TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1957
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân Kinh tế thương nghiệp,
 ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1984 - 1985: Phó phòng Kế hoạch Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Phú Nhuận
1985 - 1987: Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Nông sản thực phẩm Quận Phú Nhuận
1988 - 2003: Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1990: Giám Đốc Trung tâm Tín dụng Phú Gia
1991 - 1992: Giám Đốc Công ty Thương mại Phú Nhuận
1992 - 1997: Chủ tịch HĐQT Ngân Hàng TMCP Đông Á
2003 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Đông Á
2004 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2005 - 2011: Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Năng lượng Đại Việt

2 Bà NGUYỄN THỊ CÚC - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1960
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
 ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Chuyên viên Phòng Thống kê - Kế hoạch Quận Phú Nhuận
1988 - 1995: Kế toán trưởng Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1996 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Ngân hàng TMCP Đông Á
2004 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

3 Ông NGUYỄN VŨ PHAN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1956
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh,
 ĐH Bách khoa TP.Hồ Chí Minh
 - Kỹ sư rèn dập - chế tạo máy,
 ĐH Bách khoa HN

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1978 - 1985: Trưởng Ban Công nghệ Xí nghiệp Caric
1985 - 1987: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Thiết bị toàn bộ (Sở Công nghiệp TP. HCM)
1987 - 1996: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Công nghệ mới (COTEC), Phân viện KHVN tại TP.Hồ Chí Minh
1996 - 1999: Phó Giám đốc Xí nghiệp may Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương
1999 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2004 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

4 Ông LÊ HỮU HẠNH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1963
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân ngành Hoá học,
 Đại học Bách Khoa TP.Hồ Chí Minh
 - Chuyên gia kiểm định Kim cương, Đá quý

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Nhân viên kỹ thuật Công ty in số 4
1988-1992: Nhân viên kinh doanh Công ty Dịch vụ Tổng hợp Quận Gò Vấp
1992- 2003: - Nhân viên kinh doanh, Giám đốc Chi nhánh PNJ Hà Nội, Phó Phòng Kinh doanh,
 - Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2004 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

5 Bà PHẠM THỊ MỸ HẠNH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Cử nhân ngoại ngữ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1993 - 1994: Nhân viên Phòng Kinh Doanh Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1994 - 1995: Thư ký - Công ty TOBA Investment
1995 - 2003: - Nhân viên kinh doanh
 - Thư ký Giám đốc,
 - Phó Phòng Nghiên cứu -Tiếp thị,
 - Trưởng Phòng Nghiên cứu - Tiếp thị PNJ.
2004 - 2009: - Giám đốc Phòng Nghiên cứu - Tiếp thị,
 - Giám đốc Phòng Quản lý hệ thống CAO
2009 - 2011: Giám đốc Công ty TNHH MTV Thời trang CAO
2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận - PNJ.

BAN KIỂM SOÁT



1



2



3

1 Ông PHẠM VĂN TÂN - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1960

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp, ĐH Kinh tế TP.HCM
- Cử nhân Kinh tế Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia TP.HCM - Phân viện Báo chí và Tuyên truyền

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1982 - 1989:** Trợ lý Giáo vụ và Giảng dạy Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- 1989 - 1992:** Phụ trách Kinh doanh, Hành chính Xí nghiệp Vàng bạc Đá quý SJC
- 1992 - 2010:** Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á
- 2010 - 2012:** Cố vấn HĐQT Công ty CP Mạng truyền thông Quốc tế Toàn cầu (Công ty INCOMNET)

2 Ông TRẦN VĂN DÂN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán, ĐH Thương mại
- Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kỹ thuật công nghệ TP.HCM
- Chứng chỉ kế toán trưởng, ĐH Quốc gia TP.HCM

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1997 - nay:** Đã trải qua các chức danh sau tại Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận - PNJ:
- Công nhân trực tiếp sản xuất
 - Trưởng BP Chất lượng
 - Phó phòng Quản trị Chất lượng
 - Trưởng P.Quản trị chất lượng
 - Phó GD xí nghiệp nữ trang PNJ
 - Phó phòng Quản lý sản xuất xí nghiệp nữ trang PNJ
 - Phó phòng Kỹ thuật chất lượng xí nghiệp nữ trang PNJ
 - Trưởng phòng Kỹ thuật
 - Chế tác nữ trang - xí nghiệp nữ trang PNJ

3 Bà NGUYỄN NGỌC HUỆ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính thương nghiệp, ĐH Tài chính kế toán TP.HCM
- Giấy chứng nhận Kế toán - Tài vụ XNK, Trường Kinh tế Đối ngoại
- Giấy chứng nhận lớp Bồi dưỡng kế toán trưởng, Bộ Tài chính

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1988 - 1991:** Kế toán Tổng hợp Công ty CODIMEX TP. Vũng Tàu
- 1991 - 1994:** Kế toán trưởng Khách sạn CANADIAN TP. Vũng Tàu
- 1994 - 1997:** Kế toán trưởng Công ty Giao châu TP. Vũng Tàu
- 1997 - 1998:** Kế toán Tổng hợp Công ty DUHACO TP.HCM
- 1998 - 1999:** Kế toán trưởng Công ty COMPUNET TP.HCM
- 2000 - 2010:** Trưởng Bộ phận Kế toán Thanh toán Công ty PNJ
- 2011 - nay:** Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Giám định PNJ

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÔNG TIN

Tên công ty đại chúng	: CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
Địa chỉ trụ sở	: 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM
Điện thoại	: (08) 3995 1703
Fax	: (08) 3995 1702
Vốn điều lệ	: 755.970.350.000 đồng
Mã chứng khoán	: PNJ

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch HĐQT	26	100%	
2.	Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch HĐQT	26	100%	
3.	Nguyễn Thị Cúc	UV HĐQT	26	100%	
4.	Nguyễn Thị Bích Hà	UV HĐQT	26	100%	
5.	Nguyễn Tuấn Quỳnh	UV HĐQT	25	96%	
6.	Andy Ho (Ho An T)	UV HĐQT	08	100%	Thôi chức danh Ủy viên HĐQT từ ngày 02/04/2013
7.	Nguyễn Thị Hương Giang	UV HĐQT	19	100%	Bắt đầu chức danh Ủy viên HĐQT từ ngày 02/04/2013
8.	Phạm Vũ Thanh Giang	UV HĐQT	26	100%	

2. CÁC ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM 2012:

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:
Một số thành viên Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc định kỳ tuần, tháng, quý. Việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động hàng tháng.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban.

II. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết /Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung
1.	64/2013/NQ-HĐQT-CTY	23/01/2013	Báo cáo hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2012, thông qua kế hoạch năm 2013 và thể điểm cân bằng, KPIs
2.	65/2013/BB-HĐQT-CTY	23/01/2013	Vay vốn ngân hàng
3.	109/2013/NQ-HĐQT-CTY	01/02/2013	Vay vốn ngân hàng
4.	152/2013/NQ-HĐQT-CTY	28/02/2013	Thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013
5.	252/2013/NQ-HĐQT-CTY	22/03/2013	Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và phê duyệt nội dung tài liệu, văn kiện Đại hội, kiểm tra công tác chuẩn bị Đại hội
6.	254/2013/NQ-HĐQT-CTY	22/03/2013	Chấp thuận ký kết hợp đồng thương mại với người có liên quan thành viên Hội đồng quản trị
7.	342/2013/NQ-HĐQT-CTY	02/04/2013	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị (Andy Ho, Nguyễn Thị Hương Giang)
8.	485/2013/NQ-HĐQT-CTY	25/04/2013	Đại hội đồng cổ đông thường niên lần 16
9.	488/2013/QĐ-ĐHĐCĐ-CTY	25/04/2013	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
10.	491/2013/NQ-HĐQT-CTY	26/04/2013	Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012
11.	522/2013/BB-HĐQT-CTY	09/05/2013	Bổ sung vốn lưu động
12.	547/2013/BB-HĐQT-CTY	15/05/2013	Điều chỉnh mức vay ngân hàng
13.	548/2013/BB-HĐQT-CTY	15/05/2013	Bổ sung vốn lưu động
14.	630/2013/BB-HĐQT-CTY	10/06/2013	Điều chỉnh mức vay ngân hàng
15.	780/2013/NQ-HĐQT-CTY	23/07/2013	Báo cáo tình hình hoạt động sáu tháng đầu năm 2013, thông qua chương trình hành động sáu tháng cuối năm 2013; Thông qua đầu mục KPIs cấp công ty; thống nhất việc lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2013
16.	781/2013/QĐ-HĐQT-CTY	23/07/2013	Quyết định ban hành Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
17.	871/2013/BB-HĐQT-CTY	23/08/2013	Bổ sung vốn lưu động
18.	955/2013/NQ-CTHĐQT-CTY	12/09/2013	Triển khai thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho CB-NV theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 16 năm 2013

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

II. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết /Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung
19.	999/2013/NQ-HĐQT-CTY	25/09/2013	Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh tám tháng đầu năm 2013; Báo cáo ước kết quả hoạt động năm 2013; Thảo luận mục tiêu chiến lược năm 2014
20.	718/2013/NQ-HĐQT-CTY	31/10/2013	Thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2013
21.	758/2013/BB-HĐQT-CTY	14/11/2013	Bổ sung vốn lưu động
22.	760/2013/NQ-HĐQT-CTY	15/11/2013	Thông qua báo cáo kết quả người lao động đăng ký mua cổ phiếu đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2013 cho người lao động; Phân phối toàn bộ số cổ phiếu do người lao động không đăng ký mua hết trong đợt tăng vốn điều lệ phát hành thêm năm 2013 dành cho người lao động cho Công đoàn cơ sở PNJ
23.	812/2013/NQ-HĐQT-CTY	27/11/2013	Tổng kết việc người lao động, Công đoàn cơ sở đăng ký mua cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu cho CB-NV; Thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật liên quan đến việc tăng vốn điều lệ năm 2013 từ 719.978.350.000 đồng lên 755.970.350.000 đồng
24.	813/2013/QĐ-ĐHĐCĐ-CTY	27/11/2013	Quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận từ 719.978.350.000 đồng lên 755.970.350.000 đồng; Điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
25.	941/2013/NQ-HĐQT-CTY	23/12/2013	Thống nhất ngày dự kiến đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền và thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2013
26.	942/2013/BB-HĐQT-CTY	23/12/2013	Điều chỉnh mức vay ngân hàng
27.	956/2013/NQ-HĐQT-CTY	24/12/2013	Họp HĐQT lần 216: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2013; Báo cáo Thẻ điểm cân bằng cấp công ty năm 2013; Báo cáo thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty; Thảo luận Kế hoạch năm 2014, mục tiêu và giải pháp năm 2014
28.	963/2013/NQ-ĐHĐCĐ-CTY	26/12/2013	Đại hội đồng cổ đông lần 17 – năm 2013 (lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)
29.	966/2013/NQ-HĐQT-CTY	26/12/2013	Thành lập hai đơn vị chức năng mới trực thuộc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận; Chấp thuận điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận kể từ ngày 01/01/2014

III. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

1. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Quỹ đầu tư Dragon Capital	Nhóm cổ đông lớn	3.747.674	5,21%	6.843.530	9,51%	Mua

3. CÁC GIAO DỊCH KHÁC

(Các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với công ty	Nội dung giao dịch
1	Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng thương mại về xây dựng
2	Quản lý dự án Tiêu chuẩn vàng	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng thương mại về tư vấn giám sát công trình xây dựng
3	Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Không gian vàng	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng thương mại về trang trí nội thất

IV. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận có hai lần sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận: ngày 25/04/2013 và ngày 27/11/2013.

Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận tăng vốn điều lệ từ 719.978.350.000 đồng lên 755.970.350.000 đồng trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.

Ngày 18/11/2013, Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động.





SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

**PNJ MANG LẠI NIỀM KIÊU HÃNH
CHO KHÁCH HÀNG BẰNG CÁC SẢN PHẨM
TRANG SỨC TINH TẾ, CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI**

(Sứ mệnh PNJ)

■ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ



NHÃN HIỆU TRANG SỨC VÀNG PNJ

Chính thức có mặt tại thị trường Việt Nam từ năm 1989, nhãn hàng trang sức vàng PNJ đã khẳng định vị thế hàng đầu khi là thương hiệu tiên phong khai hóa cuộc cách mạng thời trang về lĩnh vực trang sức tại thị trường Việt Nam bằng những sản phẩm trang sức tinh tế, kiểu dáng đa dạng và chất lượng vượt trội.

Gần 25 năm hình thành và phát triển, nhãn hàng trang sức vàng PNJ luôn không ngừng sáng tạo để liên tục cho ra đời hàng trăm bộ sưu tập đa dạng về chất liệu vàng, phong phú về chủng loại đá quý với những thiết kế đột phá mang tính tiên phong, góp phần tôn vinh vẻ đẹp, sự sang trọng và đẳng cấp của người tiêu dùng Việt. Đặc biệt, với thông điệp “Tôn vinh giá trị đích thực”, PNJ nâng tầm giá trị trong mỗi sản phẩm trang sức, để không chỉ tô điểm cho vẻ đẹp bên ngoài mà còn tôn vinh những giá trị tâm hồn, phẩm chất đạo đức của người phụ nữ. Bên cạnh đó, những bộ sưu tập như Trang sức cưới Hạnh Phúc Vàng, Trang sức ECZ - Excellent Cubic Ziconia, Trang sức Kim Cương... là minh chứng cho trình độ chế tác đỉnh cao, mang lại niềm tự hào và khẳng định sứ mệnh của nhãn hiệu trang sức vàng PNJ khi “đem lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng các sản phẩm trang sức tinh tế với chất lượng vượt trội”.



NHÃN HIỆU CAO FINE JEWELLERY

Được thành lập và phát triển từ năm 2005, CAO Fine Jewellery là nhãn hàng trang sức cao cấp đã đăng ký thương hiệu tại Việt Nam, USA, và Singapore. Là một trong những thương hiệu trang sức uy tín tại thị trường trong nước, CAO Fine Jewellery được giới sành điệu ưa chuộng bởi sự kết hợp giữa nét tinh tế của phương Tây và vẻ đẹp truyền thống Á Đông.

Tính độc đáo của các sản phẩm trang sức CAO Fine Jewellery được thể hiện qua chính khả năng thiết kế của đội ngũ chuyên gia tư vấn thiết kế giàu kinh nghiệm, luôn sẵn sàng biến các ý tưởng thành những tuyệt tác đích thực, phục vụ nhu cầu và sở thích riêng của mỗi người. Bộ sưu tập Glamorosa là một minh chứng cho sự đầu tư hiệu quả vào khâu thiết kế của CAO Fine Jewellery trong năm 2013.

Tháng 6 năm 2013, CAO Fine Jewellery khai trương thêm một cửa hàng chiến lược tại 16-18-20 Thủ Khoa Huân, Q.1. Việc ra đời này đã đánh dấu những bước đi đúng đắn và tầm nhìn chiến lược trong việc cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trang sức quốc tế đang hiện diện tại Việt Nam.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ



NHÂN HIỆU TRANG SỨC PHỤ KIỆN THỜI TRANG PNJSILVER

Ra đời từ năm 2001, với chặng đường 14 năm sáng tạo và phát triển, PNJSilver luôn khẳng định vị trí dẫn đầu trên thị trường trang sức và phụ kiện thời trang Việt Nam. Định hình phong cách trẻ trung và hiện đại, PNJSilver thường xuyên cho ra đời những bộ sưu tập mới cùng nhiều chương trình truyền thông tiếp thị hướng tới khách hàng trẻ với sứ mệnh mang lại vẻ đẹp năng động, hiện đại, khẳng định phong cách riêng và luôn là sự lựa chọn lý tưởng cho khách hàng khi làm quà tặng trong những dịp đặc biệt.

Năm 2013 đánh dấu sự kiện quan trọng trong chiến lược phát triển của PNJSilver. PNJSilver chính thức tái định vị, ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới mở ra một “thế giới Nàng tỏa sáng” với sắc tím thời trang cũng những đột phá trong chiến lược phát triển sản phẩm và thương hiệu. Theo đó, các dòng sản phẩm của PNJSilver có sự đầu tư, đổi mới, bên cạnh dòng sản phẩm Duyên dáng và Thanh lịch, PNJSilver mở ra dòng Phong cách - là những mẫu trang sức phụ kiện thời trang với chất liệu phong phú, kiểu dáng phá cách và giá cả đa dạng để phù hợp với mọi đối tượng khách hàng khác nhau.

Hệ thống phân phối rộng khắp với 133 cửa hàng trên toàn quốc, PNJSilver đã và đang tiếp tục nỗ lực, sáng tạo không ngừng để hướng đến mục tiêu trở thành một biểu tượng thời trang cho các bạn gái trẻ và được biết đến như một thương hiệu trang sức- phụ kiện thời trang dẫn đầu với chất lượng vượt trội, mẫu mã đa dạng, giá cả phù hợp.



NHÂN HIỆU TRANG SỨC JEMMA

JEMMA là nhãn hàng nữ trang và phụ kiện thời trang cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận - PNJ. Được thành lập và phát triển từ cuối năm 2002, với định hướng phát triển là một nhãn hàng trang sức phụ kiện thời trang cao cấp, JEMMA như một lựa chọn khác cho phụ nữ trẻ, đặc biệt là giới văn phòng có nhiều lựa chọn hơn trong việc làm mới mình, khẳng định cá tính bản thân.



Tất cả sản phẩm JEMMA đều được thiết kế bởi các nhà thiết kế Hàn Quốc và Italy dựa trên xu hướng thời trang mới nhất tại các trung tâm thời trang như Italy, Paris, Hàn Quốc và Hồng Kông. Sử dụng nguyên liệu cao cấp từ Ấn Độ, Hàn Quốc, Châu Phi... sản phẩm JEMMA được sản xuất bởi quy trình công nghệ hiện đại, dưới một chế độ quản lý chất lượng cực kỳ nghiêm ngặt. Vì vậy, mỗi sản phẩm JEMMA không chỉ là những sản phẩm thời trang, phù hợp với xu hướng, mà còn là một sản phẩm biểu trưng của đẳng cấp và sự sang trọng.

JEMMA bao gồm hai dòng hàng chính là nữ trang và phụ kiện. Nữ trang JEMMA thành công là nhờ 2 yếu tố chính: đội ngũ thiết kế và công nghệ sản xuất từ Italy. Chính vì vậy, nữ trang JEMMA không chỉ tạo nên nét tươi trẻ, hiện đại, cá tính và phong cách, mà còn mang đậm dấu ấn của sự sang trọng, quý phái và luôn là niềm tự hào của người sở hữu.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

MÁI NHÀ CHUNG BẢN SẮC VĂN HÓA PNJ



Khai mạc Ngày hội văn hóa PNJ



Trò chơi Ngày hội văn hóa PNJ



Văn nghệ Ngày hội văn hóa PNJ

Ngày nay, văn hóa doanh nghiệp đã và đang đóng một vai trò rất quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của mỗi công ty, qua văn hóa doanh nghiệp, người ta cũng có thể nhìn thấy rõ màu cờ sắc áo của từng doanh nghiệp, nó thể hiện trong từng hoạt động, từng hành vi ứng xử, trong từng lời nói của mỗi một tập thể và từng thành viên của đơn vị đó. Chính văn hóa doanh nghiệp cũng sẽ tạo nên một đội ngũ có quy củ, chuyên nghiệp, có nề nếp, tác phong, đội ngũ ấy sẵn sàng lăn xả và cống hiến hết mình vì doanh nghiệp, hay nói cách khác chính văn hóa doanh nghiệp sẽ làm nên sức mạnh và tinh thần của doanh nghiệp và cả tương lai trường tồn hay vận mệnh của doanh nghiệp đó.

Suốt chặng đường hơn 25 năm hình thành và phát triển, PNJ đã xây dựng, hun đúc cho mình một bản sắc văn hóa rất đặc thù: văn hóa Mái Nhà Chung, ở đó mỗi thành viên trong gia đình PNJ đều sống có tinh thần kỷ luật, trách nhiệm, có tác phong chuyên nghiệp, nề nếp nhưng đầy nghĩa tình, đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống, được trao đổi thông tin, được khuyến khích nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn. Sự nỗ lực của mỗi thành viên được tương thưởng xứng đáng bằng thù lao vật chất, bằng động viên tinh thần và bằng việc bổ nhiệm vào những vị trí xứng đáng và trên hết là những tấm gương sáng cho cả một tập thể và những thế hệ theo sau.

Để làm nên văn hóa “Mái nhà chung PNJ” bản sắc đặc thù, thành tố then chốt và quan trọng chính là các giá trị cốt lõi của PNJ đó là: **Trách nhiệm, Trung thực, Chất lượng, Đổi mới và Sáng tạo**, 5 yếu tố này đã tạo thành chiếc la bàn định hướng trong mỗi quyết định cho sự phát triển của PNJ, trong từng chương trình hành động và đồng thời giúp mỗi tập thể và nhân viên có cách ứng xử thống nhất, chuẩn mực trong công việc và cả cuộc sống.

Có thể thấy Văn hóa PNJ và các giá trị cốt lõi luôn thấm nhuần trong văn hoá kinh doanh, với khách hàng, trong quan hệ nhà đầu tư, đối tác, với cộng đồng xã hội và có thể thấy rõ nét nhất trong các hoạt động nội bộ dành cho nhân viên của mình. Thông qua các tổ chức đoàn thể, nhiều hoạt động hướng đến người lao động được tổ chức đều đặn và thường xuyên, đáp ứng cho nhu cầu chăm lo sức khoẻ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động cũng như xây dựng niềm



Hội thảo tại Hồ Tràm



Tổng kết năm 2013

tự hào và gắn kết giữa các thành viên: Các hội thảo xây dựng đội ngũ được tổ chức thường xuyên, các buổi sinh hoạt chuyên đề, các diễn đàn thanh niên, hội diễn văn nghệ, các cuộc thi đấu thể thao, ngày hội gia đình PNJ, hình thành các Câu lạc bộ chăm sóc sức khoẻ tại doanh nghiệp... Văn hóa PNJ luôn giáo dục cán bộ, nhân viên của mình sống có tinh thần trách nhiệm đối với chính mình, với xã hội và cộng đồng, là những công dân tôn trọng pháp luật, các giá trị Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín phải luôn được đề cao. Có thể nói PNJ còn được ví như là một trường học mà ở đó con người không chỉ được đãi ngộ bằng vật chất, không chỉ bằng lợi ích trước mắt, mà bằng sự trân trọng và yêu thương.

Văn hóa PNJ thực sự ưu việt và có bản sắc riêng khi được thừa hưởng sức mạnh và tinh thần của các giá trị cốt lõi mà PNJ đã đúc kết suốt hơn 25 năm qua, đó cũng chính là những nền tảng để làm nên con người PNJ, sức mạnh PNJ và tinh thần PNJ. Văn hoá PNJ đã góp phần quan trọng tạo nên vị thế của doanh nghiệp, làm nên sức mạnh cạnh tranh, giúp đội ngũ phát triển mạnh hơn và thu hút người tài, gắn kết người lao động, tạo nền tảng và niềm tin cho sự phát triển bền vững trường tồn. PNJ luôn trân trọng giữ gìn, phát huy những giá trị cốt lõi và văn hoá của mình, làm tiền đề và là cơ sở vững chắc, sẵn sàng cho những chặng đường phía trước.



Gala Dinner tại Hồ Tràm



NĂM 2013 DẤU ẤN CỘNG ĐỒNG CỦA PNJ



Năm 2013 đánh dấu cột mốc 25 năm hình thành và phát triển của PNJ với những thành tựu và những đóng góp to lớn cho ngành kim hoàn Việt Nam cũng như góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của cả nước. Càng ý nghĩa hơn khi để đánh dấu chặng đường 1/4 thế kỷ của mình, PNJ đã triển khai hàng loạt các hoạt động thiện nguyện và đã tạo nên dấu ấn mạnh mẽ trong cộng đồng cũng như tiếp tục thể hiện là đơn vị tiên phong và điển hình trong công tác xã hội trong cộng đồng doanh nghiệp

TIẾP TỤC UOM MẮM TÀI NĂNG

Giáo dục là một trong những lĩnh vực ưu tiên mà PNJ luôn hướng đến, nhằm góp phần chăm lo cho sự phát triển những tài năng trẻ - những thế hệ tương lai của đất nước. Năm 2013, PNJ tiếp tục duy trì trao tặng các suất học bổng định kỳ hàng năm như: Học bổng PNJ dành cho 100 em học sinh nghèo Quận Phú Nhuận (suốt 13 năm liền trên 1.300 suất với tổng trị giá trên 1,5 tỷ đồng); học bổng Nguyễn Đức Cảnh, học bổng Trần Văn Ôn, học bổng dành cho sinh viên Đại học Kinh tế; học bổng dài hạn SFT (TBKTSG- PNJ), Quỹ học bổng DEF (quỹ giáo dục, chăm lo đời sống tinh thần cho công nhân và người lao động nghèo do Hội DNHVNCLC thành lập), quỹ học bổng Vừ A Dính do Trung ương Đoàn thành lập...

PNJ còn tham gia tích cực vào các chương trình hành động vì xã hội của các trường Đại học như tài trợ cuộc thi "Dynamic" với mục đích tìm kiếm và phát triển các tài năng sinh viên, tài trợ các hoạt động ủng hộ môi trường như Ngày trái đất của trường RMIT, chiến dịch Mùa hè xanh và ngày đi học không xe máy của Đại học Luật TP.HCM. Hàng năm, PNJ còn dành hàng trăm phần quà là tập, sách, cặp, nón, áo mưa để tặng các em học sinh nghèo ở các vùng sâu, vùng xa...trong các chuyến công tác thiện nguyện.

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN CÓ CHIỀU SÂU

Bên cạnh các hoạt động thường xuyên như hiến máu nhân đạo, chăm lo các đối tượng chính sách, công tác y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng, PNJ còn là doanh nghiệp luôn đi đầu trong công tác cứu trợ các địa phương và đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt cũng như chăm lo Tết cho người nghèo. Thông qua các hình thức quỹ từ thiện PNJ trực

tiếp tổ chức kêu gọi toàn thể CBCNV PNJ và các đối tác bạn hàng, các mạnh thường quân cùng quyên góp gây quỹ để thực hiện các chuyến công tác thiện nguyện tặng hàng ngàn phần quà cho bà con nghèo tại các tỉnh Tiền Giang, Kon Tum, Quảng Ngãi, đặc biệt là ngay sau những trận thiên tai, bão lũ, màu áo xanh tình nguyện của PNJ lại lên đường để về với đồng bào những địa phương chịu thiệt hại nặng nề để cùng giúp đỡ và sẻ chia.

Chăm lo người nghèo nhân dịp Tết cổ truyền cũng đã trở thành nét văn hóa của PNJ trong suốt nhiều năm qua. Hàng ngàn phần quà Tết đã được trao tay cho người nghèo mỗi năm. Tết Giáp Ngọ 2014, PNJ đã thực hiện chương trình "Cùng PNJ san sẻ Tết yêu thương" để trao tặng 1.500 phần quà cho người nghèo quận Phú Nhuận, Gò Vấp, người nghèo tại các huyện vùng cao Quảng Ngãi, đồng hành cho chương trình "Chăm lo Tết cho Phụ nữ nghèo" của báo Phụ Nữ Tp. HCM và chương trình mùa xuân biên giới của báo SGGP...

GIÚP NGƯỜI NGHÈO "AN CƯ LẠC NGHIỆP"

Trong công tác xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa, thì năm 2013, cột mốc 25 năm thành lập của PNJ đã được ghi dấu trong công tác cộng đồng với 25 căn nhà đại đoàn kết PNJ đã trao tặng cho đồng bào nghèo dân tộc thiểu số tại các huyện vùng cao của Quảng Ngãi và cho hội người mù của tỉnh, mỗi căn trị giá 30 triệu đồng. Bên cạnh đó, PNJ vẫn tiếp tục ủng hộ hàng trăm triệu đồng cho Quỹ đi bộ vì người nghèo Q. Phú Nhuận, Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo TPHCM, và quỹ vì người nghèo của MTTQ TP. HCM...để tiếp tục chăm lo cho người nghèo trên phạm vi cả nước.

Với tổng chi phí gần 3 tỷ đồng cho công tác từ thiện năm 2013, có thể nói công tác cam kết phát triển vì cộng đồng của PNJ luôn bám chặt triết lý kinh doanh của mình "Đặt lợi ích khách hàng, xã hội vào lợi ích của doanh nghiệp". Ý thức trách nhiệm vì cộng đồng của PNJ đã góp phần giúp đỡ cho các địa phương còn khó khăn trong cả nước cũng như hàng triệu gia đình người nghèo, các hoàn cảnh bị thiên tai được tiếp thêm sức mạnh, thêm nghị lực để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, các hoạt động công đồng của PNJ đã có sức lan tỏa rất lớn trong cộng đồng doanh nghiệp cả nước.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

"ĐẶT LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG, XÃ HỘI VÀO LỢI ÍCH CỦA DOANH NGHIỆP"

NĂM 2013 DẤU ẤN CỘNG ĐỒNG CỦA PNJ



Trào quà người nghèo - Quảng Ngãi



Trào quà người nghèo - Phú Nhuận



Trào quà người nghèo - Gò Vấp



Trào nhà tình thương - Quảng Ngãi



Đêm hội trăng rằm



CÁC THÀNH TỰU



**GIẢI THƯỞNG
CHẤT LƯỢNG CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**



**TOP 500 NHÀ BÁN LẺ HÀNG ĐẦU
CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**



**CÚP
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA**



**CÚP
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT**



**TOP 50 CÔNG TY
KINH DOANH HIỆU QUẢ
NHẤT VIỆT NAM**

TRƯỚC NĂM 2013

- 1 | PNJ đón nhận danh hiệu Giải vàng Chất lượng quốc gia 2011
- 2 | Được Chính phủ công nhận Thương hiệu Quốc gia 2009 - 2011
- 3 | Được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu trang sức số một HVNCLC do báo SGTT công bố suốt 16 năm liền
- 4 | PNJ là một trong ba doanh nghiệp VN nhận Giải thưởng Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương 2011
- 5 | PNJ đạt TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (19/06/2013)
- 6 | Giải thưởng Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á Thái Bình Dương và nằm trong Top 3 doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Việt nam 2003 - 2012
- 7 | Là doanh nghiệp kim hoàn duy nhất của Việt Nam được xếp thứ 16 trong top 500 công ty sản xuất và kinh doanh nữ trang lớn nhất thế giới do Plimsoll (Anh) công bố năm 2012
- 8 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Thương hiệu mạnh
- 9 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Thương hiệu Việt Nam tốt nhất năm 2007
- 10 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2003 - 2012
- 11 | PNJ đạt chứng nhận và cúp Xác lập kỷ lục Việt Nam “Doanh nghiệp đầu tiên đầu tư công nghệ sản xuất nữ trang hiện đại và quy mô nhất Việt Nam” – năm 2007
- 12 | Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Độc lập Hạng 3 (12/6/2008)
- 13 | Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động Hạng nhất, Nhì và Ba (2003, 2000 và 1995)
- 14 | PNJ trở thành đơn vị dẫn đầu được trao tặng cờ thi đua của Chính phủ (2002)
- 15 | PNJ được UBND TP trao tặng cờ thi đua 20 năm xây dựng và phát triển (1988 - 2008)
- 16 | PNJ được Đảng Cộng sản Việt Nam trao tặng cờ thi đua “Tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh” (1995 - 1999)

NĂM 2013

- 17 | Công đoàn PNJ được vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng 3
- 18 | PNJ được Liên đoàn lao động TP.HCM trao tặng cờ thi đua “Công Đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc” (2003)
- 19 | PNJ được BCH Trung Ương Đoàn Cộng sản Hồ Chí Minh trao tặng cơ sở Đoàn vững mạnh (1997 - 2001)
- 20 | Báo cáo thường niên 2012 đạt TOP 50 báo cáo thường niên tốt nhất 2012 (7/2012)
- 21 | Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ được trao tặng Huân chương Lao động Hạng nhất
- 22 | Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ là nữ doanh nhân duy nhất trong Top 5 doanh nhân được trao giải thưởng quốc tế Ernst & Young, bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp của Việt Nam.
- 23 | Bà Cao Thị Ngọc Dung- Tổng giám đốc PNJ nhận giải thưởng 50 Người tiên phong do VNExpress bình chọn (16/10/2012)
- 24 | TGD Cao Thị Ngọc Dung là một trong 10 gương mặt Nữ doanh nhân thành đạt nhất năm 2013 do Tạp chí Forbes bình chọn
- 01 | PNJ nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2013
- 02 | PNJ nhận giải thưởng Thương hiệu quốc gia 2013
- 03 | PNJ đón nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ nhân kỷ niệm 25 năm thành lập (09/2013)
- 04 | PNJ đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2013
- 05 | PNJ xác lập kỷ lục chiếc khăn rằn bằng vàng lớn nhất Việt Nam (10/11/2013)
- 06 | PNJ tài trợ quà tặng quốc gia và trang sức độc quyền cho đại diện Việt Nam tham dự cuộc thi Hoa hậu hoàn vũ 2013
- 07 | PNJ nhận bằng khen của bộ trưởng bộ Khoa học & Công nghệ về ứng dụng đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm sáu mươi lăm (165) cửa hàng tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2013)
Ông Hồ Andy	Thành viên (từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2013)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Tân	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Trần Văn Dân	Thành viên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Cao Thị Ngọc Dung.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CAO THỊ NGỌC DUNG
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 5 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Mai Viết Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 0048-2013-004-1

Lê Vũ Trường
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 5 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.717.592.172.977	1.342.948.159.392
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	507.821.745.184	468.655.700.806
111	1. Tiền		53.915.192.251	34.076.003.469
112	2. Các khoản tương đương tiền		453.906.552.933	434.579.697.337
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	76.020.840.245	53.722.534.510
131	1. Phải thu khách hàng		52.341.746.512	15.555.505.035
132	2. Trả trước cho người bán		8.912.739.502	10.110.406.855
135	3. Các khoản phải thu khác		23.485.827.790	35.808.841.279
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.719.473.559)	(7.752.218.659)
140	III. Hàng tồn kho		1.087.344.363.095	791.136.127.118
141	1. Hàng tồn kho	7	1.087.344.363.095	791.136.127.118
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		46.405.224.453	29.433.796.958
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		19.924.285.797	9.800.584.428
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.001.552.590	7.697.287.196
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.845.657.246	69.000.000
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	12.633.728.820	11.866.925.334
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.239.106.817.480	1.200.037.803.867
220	I. Tài sản cố định		497.858.382.162	431.898.544.676
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	198.086.650.153	141.328.725.256
222	Nguyên giá		314.131.546.728	228.464.773.059
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(116.044.896.575)	(87.136.047.803)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	290.655.810.463	279.551.935.394
228	Nguyên giá		292.453.176.966	280.112.851.451
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(1.797.366.503)	(560.916.057)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.115.921.546	11.017.884.026
241	II. Bất động sản đầu tư	11	52.150.619.987	-
242	1. Nguyên giá		53.598.367.628	-
242	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(1.447.747.641)	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	589.705.137.986	760.781.225.093
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		80.652.729.586	258.339.816.693
258	2. Đầu tư dài hạn khác		523.602.408.400	513.241.408.400
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(14.550.000.000)	(10.800.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		14.403.411.252	7.358.034.098
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	13.701.560.928	6.681.494.466
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	701.850.324	481.539.632
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	195.000.000
269	V. Lợi thế thương mại	14	84.989.266.093	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.956.698.990.457	2.542.985.963.259

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

VND

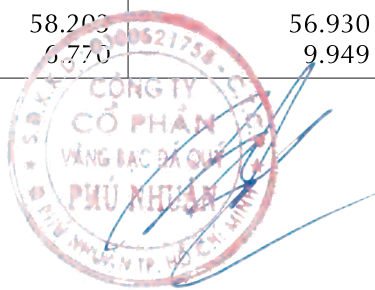
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.550.680.871.025	1.301.246.946.986
310	I. Nợ ngắn hạn		1.415.480.783.876	1.130.464.996.486
311	1. Vay ngắn hạn	15	1.163.972.366.976	1.008.230.455.000
312	2. Phải trả người bán	16	111.132.232.389	52.168.925.843
313	3. Người mua trả tiền trước		8.483.360.904	1.737.185.759
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	48.283.681.689	21.767.812.994
315	5. Phải trả người lao động		11.299.793.720	7.999.497.651
316	6. Chi phí phải trả		3.524.676.090	3.329.829.410
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	31.966.060.795	27.480.312.148
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		36.818.611.313	7.750.977.681
330	II. Nợ dài hạn		135.200.087.149	170.781.950.500
333	1. Phải trả dài hạn khác		5.617.050.500	426.284.500
334	2. Vay dài hạn	19	129.583.036.649	170.355.666.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.318.220.581.226	1.241.739.016.273
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.318.220.581.226	1.241.739.016.273
411	1. Vốn cổ phần		755.970.350.000	719.978.350.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		105.021.650.000	105.021.650.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(7.090.000)	(7.090.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		126.070.897.000	96.070.897.000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		57.634.153.783	46.376.732.783
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		273.530.620.443	274.298.476.490
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		87.797.538.206	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.956.698.990.457	2.542.985.963.259

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ ("US\$")	58.203	56.930
- Vàng thỏi	5.770	9.949


Dương Quang Hải
Người lập


Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng


Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	8.973.965.897.995	6.777.869.795.148
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(59.783.311.660)	(61.026.428.725)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp	21.1	8.914.182.586.335	6.716.843.366.423
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(8.244.494.727.893)	(6.118.336.274.620)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp		669.687.858.442	598.507.091.803
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	23.797.867.875	120.569.293.310
22	7. Chi phí tài chính	23	(84.970.680.816)	(91.405.694.428)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(83.525.727.307)	(101.497.808.442)
24	8. Chi phí bán hàng		(262.496.218.357)	(267.972.724.506)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(113.373.916.451)	(89.631.912.787)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		232.644.910.693	270.066.053.392
31	11. Thu nhập khác		3.181.797.660	49.775.091.650
32	12. Chi phí khác		(2.239.943.652)	(20.041.344.299)
40	13. Lợi nhuận khác		941.854.008	29.733.747.351
45	14. Phân (lỗ) lãi từ công ty liên kết		(579.477.436)	10.294.076.985
50	15. Lợi nhuận trước thuế		233.007.287.265	310.093.877.728
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(64.190.342.200)	(55.247.602.683)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	25.3	220.310.692	(437.612.552)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		169.037.255.757	254.408.662.493
61	Trong đó:		5.866.063.304	-
62	Lợi ích của các cổ đông thiểu số		163.171.192.453	254.408.662.493
70	19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	20.4	2.239	3.891


Dương Quang Hải
Người lập


Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng


Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

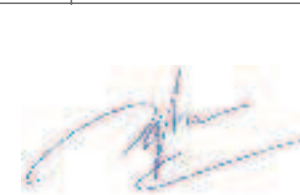
VNĐ

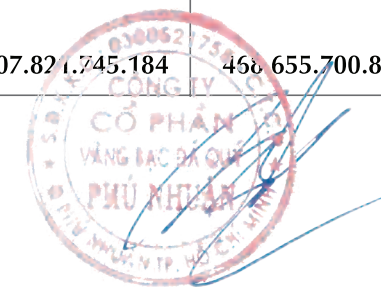
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		233.007.287.265	310.093.877.728
	Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	9, 10, 11, 14	23.809.470.760	15.134.039.127
03	Các khoản dự phòng		967.254.900	(3.188.027.641)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	31.596.846.638
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.884.155.146)	(105.602.734.355)
06	Chi phí lãi vay	23	83.525.727.307	101.497.808.442
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		327.104.385.886	349.531.809.939
09	(Giảm) tăng các khoản phải thu		1.257.008.084	(165.811.248.496)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(296.208.235.977)	172.002.642.355
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		77.256.168.164	(141.420.759.807)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(13.198.313.124)	192.926.943.725
13	Tiền lãi vay đã trả		(83.525.727.307)	(101.911.586.414)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(43.806.298.357)	(53.996.209.047)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		30.001.580.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.326.682.734)	(56.348.884.453)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng) từ hoạt động kinh doanh		(25.446.115.364)	194.972.707.802
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(56.559.512.129)	(70.213.384.150)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		8.041.831.601	11.728.380.455
23	Tiền gửi định kỳ tại ngân hàng		-	70.000.000.000
24	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		153.763.708.000	(38.020.910.985)
25	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào các đơn vị khác		-	99.569.666.282
26	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		13.884.155.145	53.764.811.788
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		119.130.182.617	126.828.563.390
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		35.992.000.000	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.889.634.614.815	3.427.905.909.708
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.886.547.452.190)	(3.585.225.129.370)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(93.597.185.500)	(149.965.528.175)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(54.518.022.875)	(307.284.747.837)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		39.166.044.378	14.516.523.355
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		468.655.700.806	454.113.948.194
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	25.229.257
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	507.821.745.184	458.655.700.806


Dương Quang Hải
Người lập

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm sáu mươi lăm (165) cửa hàng tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.653 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.172).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty có ba công ty con, như sau:

Công ty Cổ phần nhiên liệu Sài Gòn (“SFC”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 6 năm 2000. SFC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 1A, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của SFC là kinh doanh các sản phẩm dầu và gas; kinh doanh công cụ, dụng cụ và máy móc cho cho dầu và gas; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gỗ và cung cấp dịch vụ vận chuyển, cho thuê và xây dựng. Vào ngày 5 tháng 7 năm 2013, Công ty đã nhận cổ tức dưới hình thức cổ phiếu thương từ SFC. Theo đó, Công ty đã tăng tỉ lệ sở hữu trong SFC từ 49,99% lên 50,02%, và SFC trở thành công ty con từ ngày đó.

Công ty TNHH Thời trang CAO (“CFC”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công, nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty TNHH Giám định PNJ (“PLC”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 205, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, vàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

3.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và khác	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hay giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Tập đoàn nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

3.5 KHẤU HAO VÀ KHẤU TRỪ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.6 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 năm
Nhà cửa	10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.7 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn;
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

3.9 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thể thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thể thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.10 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thể thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.11 ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ KHÁC

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản nợ.

3.16 LÃI CƠ BẢN TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.18 THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“*Thông tư 210*”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

LÀ CÔNG TY CHẾ TÁC VÀ BÁN LẺ TRANG SỨC
HÀNG ĐẦU TẠI CHÂU Á, GIỮ VỊ TRÍ SỐ MỘT
TRONG TẤT CẢ CÁC PHÂN KHÚC THỊ TRƯỜNG
MÀ PNJ NHẪM TỚI TẠI VIỆT NAM.

(Tầm nhìn tới năm 2022)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 5 tháng 7 năm 2013, Công ty đã nhận cổ tức dưới hình thức cổ phiếu thưởng từ SFC. Theo đó, Công ty đã tăng tỉ lệ sở hữu trong SFC từ 49,99% lên 50,02% và SFC trở thành công ty con từ ngày đó. Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của SFC vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

Giá trị hợp lý
tạm thời ghi nhận
tại ngày hợp nhất
VNĐ

Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.828.708.000
Bất động sản đầu tư	59.240.930.395
Hàng tồn kho	49.272.998.189
Tài sản cố định hữu hình	47.555.678.218
Phải thu khách hàng	20.565.357.312
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.546.000.000
Tài sản cố định vô hình	5.212.227.671
Tài sản dài hạn khác	3.427.851.278
Tài sản ngắn hạn khác	2.657.455.422
	348.307.206.485
Nợ phải trả	
Vay	111.882.120.000
Phải trả người bán	68.964.999.273
Các khoản phải trả khác	3.531.566.000
	184.378.685.273
Tổng tài sản thuần	163.928.521.212
Lợi ích cổ đông thiểu số	(81.931.474.902)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất (Thuyết minh số 14)	89.462.385.361
Tổng chi phí hợp nhất	171.459.431.671

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên giá trị hợp lý tạm thời để ghi nhận hạch toán giao dịch hợp nhất kinh doanh này do Công ty vẫn chưa hoàn thành việc định giá các tài sản vào ngày mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	33.096.471.915	23.152.070.852
Tiền gửi ngân hàng	18.313.361.447	9.520.161.117
Tiền đang chuyển	2.505.358.889	1.403.771.500
Các khoản tương đương tiền	453.906.552.933	434.579.697.337
TỔNG CỘNG	507.821.745.184	468.655.700.806

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	52.341.746.512	15.555.505.035
Trong đó:		
Bên thứ ba	52.341.746.512	15.555.505.035
Trả trước cho người bán	8.912.739.502	10.110.406.855
Trong đó:		
Bên thứ ba	8.912.739.502	10.110.406.855
Các khoản phải thu khác	23.485.827.790	35.808.841.279
Trong đó:		
Bên thứ ba	23.485.827.790	24.259.966.279
Bên liên quan	-	11.548.875.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.719.473.559)	(7.752.218.659)
GIÁ TRỊ THUẦN	76.020.840.245	53.722.534.510

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.752.218.659)	(7.752.218.659)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(967.254.900)	(7.752.218.659)
Số cuối năm	(8.719.473.559)	(7.752.218.659)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

7. HÀNG TỒN KHO

VNĐ		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	974.547.900.904	712.824.638.583
Nguyên vật liệu	35.727.945.679	13.052.985.948
Thành phẩm	34.000.318.883	46.328.191.292
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.435.085.328	2.453.511.128
Công cụ, dụng cụ	15.249.323.609	11.987.400.954
Hàng mua đang đi trên đường	4.383.788.692	4.489.399.213
TỔNG CỘNG	1.087.344.363.095	791.136.127.118

Hàng tồn kho trị giá là 200.000.000.000 VNĐ đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển – Chi nhánh Hồ Chí Minh (*Thuyết minh số 15*).

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn thuê cửa hàng	11.685.238.240	10.584.747.261
Tạm ứng cho nhân viên	948.490.580	1.282.178.073
TỔNG CỘNG	12.633.728.820	11.866.925.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	109.174.617.948	89.100.012.861	18.605.029.661	11.585.112.589	228.464.773.059
Tăng do hợp nhất kinh doanh từ công ty con	27.825.584.084	12.399.098.486	1.570.039.031	822.988.081	42.617.709.682
Mua trong năm	34.186.276.446	16.500.596.180	22.000.000	3.969.617.881	55.678.490.507
Thanh lý	-	(1.019.811.912)	-	(214.275.920)	(1.234.087.832)
Giảm khác (*)	26.594.300	(5.886.400.328)	(270.738.315)	(4.211.605.745)	(10.395.338.688)
Số cuối năm	171.159.884.178	111.093.495.287	19.926.330.377	11.951.836.886	314.131.546.728
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	2.123.252.603	33.589.526.562	2.083.009.057	51.875.730.130	89.671.518.352
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(9.722.817.342)	(57.917.361.278)	(10.407.102.543)	(9.088.766.640)	(87.136.047.803)
Tăng do hợp nhất kinh doanh từ công ty con	(9.084.930.214)	(7.474.058.153)	(363.758.483)	(574.119.438)	(17.496.866.288)
Khấu hao trong năm	(5.503.544.525)	(9.438.631.136)	(949.487.336)	(2.880.830.053)	(18.772.493.050)
Thanh lý	-	1.514.027.444	-	214.275.920	1.728.303.364
Giảm khác (*)	26.594.300	2.697.316.787	164.481.969	2.743.814.146	5.632.207.202
Số cuối năm	(24.284.697.781)	(70.618.706.336)	(11.555.866.393)	(9.585.626.065)	(116.044.896.575)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	99.451.800.606	31.182.651.583	8.197.927.118	2.496.345.949	141.328.725.256
Số cuối năm	146.875.186.397	40.474.788.951	8.370.463.984	2.366.210.821	198.086.650.153

Nhà cửa và máy móc với giá trị còn lại là 15.550.763.206 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 19*).

(*) Trong năm, Tập đoàn đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản hữu hình sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2013 - Hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	279.000.379.838	1.112.471.613	280.112.851.451
Tăng do hợp nhất kinh doanh từ công ty con	6.157.436.365	-	6.157.436.365
Tăng trong năm	6.182.889.150	-	6.182.889.150
Số cuối năm	291.340.705.353	1.112.471.613	292.453.176.966
Giá trị khấu trừ lũy kế			
Số đầu năm	-	(560.916.057)	(560.916.057)
Tăng do hợp nhất kinh doanh từ công ty con	(945.208.694)	-	(945.208.694)
Khấu trừ trong năm	(84.408.420)	(206.833.332)	(291.241.752)
Số cuối năm	(1.029.617.114)	(767.749.389)	(1.797.366.503)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	279.000.379.838	551.555.556	279.551.935.394
Số cuối năm	290.311.088.239	344.722.224	290.655.810.463

Quyền sử dụng đất với giá trị là 69.152.139.738 VNĐ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 19*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh từ công ty con	60.044.507.738	687.167.500	60.731.675.238
Thanh lý	(6.762.377.610)	(370.930.000)	(7.133.307.610)
Số cuối năm	53.282.130.128	316.237.500	53.598.367.628
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh từ công ty con	(971.742.225)	(519.002.618)	(1.490.744.843)
Khấu trừ trong năm	(264.642.733)	(7.973.957)	(272.616.690)
Thanh lý	59.937.955	255.675.937	315.613.892
Số cuối năm	(1.176.447.003)	(271.300.638)	(1.447.747.641)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	52.105.683.125	44.936.862	52.150.619.987

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

12.1 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	80.652.729.586	30,62	85.060.000.925	30,62
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	-	-	173.279.815.768	49,99
TỔNG CỘNG	80.652.729.586		258.339.816.693	

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc đầu tư vào công ty liên kết	91.866.300.000	230.474.829.680
Phần lũy kế (lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết sau khi mua	(9.344.245.789)	38.134.403.013
Cổ tức đã nhận	(1.869.324.625)	(10.269.416.000)
TỔNG CỘNG	80.652.729.586	258.339.816.693

VNĐ

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á (“DAL”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 7 năm 2003. DAL có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 43R/12, Đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DAL là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý bất động sản, kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

12.2 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DAB”) (i)	38.496.250	395.271.613.400	38.496.250	395.271.613.400
Công ty Cổ phần Bất động Sản Sài Gòn M&C	2.615.215	65.380.375.000	2.615.215	65.380.375.000
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	916.662	42.499.920.000	916.662	42.499.920.000
Dự án Hoàng Minh Giám (ii)		10.089.500.000		10.089.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Gia Định	625.000	10.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cà phê PETEC	29.200	296.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác		65.000.000		-
TỔNG CỘNG		523.602.408.400		513.241.408.400
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(14.550.000.000)		(10.800.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN		509.052.408.400		502.441.408.400

i) Cổ phiếu của DAB đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15).

ii) Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Du lịch Festival và Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á để đầu tư phát triển dự án tọa lạc tại số 8 Đường Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng	6.831.856.742	5.404.424.785
Chi phí thuê cửa hàng	3.670.835.189	912.555.834
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.998.868.972	-
Khác	200.000.025	364.513.847
TỔNG CỘNG	13.701.560.928	6.681.494.466

VNĐ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm được trình bày như sau:

VNĐ	
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	89.462.385.361
Số cuối năm	89.462.385.361
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	(4.473.119.268)
Số cuối năm	(4.473.119.268)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	84.989.266.093

15. VAY NGẮN HẠN

VNĐ		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng (i)	921.080.789.816	383.351.676.000
Vay cá nhân (ii)	234.315.577.160	56.808.906.400
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	8.576.000.000	568.069.872.600
TỔNG CỘNG	1.163.972.366.976	1.008.230.455.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

VNĐ					
Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu- Sở giao dịch	309.000.000.000	Từ ngày 22 tháng 2 năm 2014 đến ngày 19 tháng 6 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	Từ 8 đến 8,5	Cổ phiếu của DAB
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển- Chi nhánh Hồ Chí Minh	102.795.278.070	Từ ngày 6 tháng 2 năm 2014 đến ngày 13 tháng 5 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	8	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam- Sở Giao dịch 1	99.100.795.590	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2014 đến ngày 20 tháng 5 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	8	Cổ phiếu của DAB
	1.315.300.000	Ngày 12 tháng 1 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	5,7	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	96.361.600.000	Ngày 13 tháng 1 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	5,6	Tín chấp
	60.371.050.362	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 3 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	Từ 4 đến 6,9	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan- Chi nhánh Hồ Chí Minh	51.019.825.794	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 1 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	Từ 6,3 đến 6,4	Tín chấp
	51.075.940.000	Ngày 29 tháng 1 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	5,85	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông- Chi nhánh Hồ Chí Minh	60.000.000.000	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2014 đến ngày 25 tháng 7 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	9	Tín chấp
	5.000.000.000	Ngày 2 tháng 1 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	5,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam- Phòng giao dịch Phú Nhuận	48.802.000.000	Ngày 24 tháng 1 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	5,4	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	36.239.000.000	Ngày 21 tháng 1 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	6	Tín chấp
TỔNG CỘNG	921.080.789.816				

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân như sau:

VNĐ					
Bên cho vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Các cá nhân – vay bằng VNĐ	234.315.577.160	Từ ngày 28 tháng 1 năm 2014 đến ngày 23 tháng 11 năm 2014	Bổ sung vốn lưu động	Từ 1,05 đến 8	Tín chấp

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VNĐ		
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả bên thứ ba	109.627.278.389	51.535.711.230
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.504.954.000	633.214.613
TỔNG CỘNG	111.132.232.389	52.168.925.843

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ		
	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	35.160.546.762	12.811.414.276
Thuế giá trị gia tăng	7.371.279.970	8.832.086.394
Thuế khác	5.995.574.249	124.312.324
TỔNG CỘNG	48.527.400.981	21.767.812.994

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ		
	Số đầu năm	Số cuối năm
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	5.824.124.515	5.178.029.799
Các khoản phải trả khác	26.141.936.280	22.302.282.349
TỔNG CỘNG	31.966.060.795	27.480.312.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

19. VAY DÀI HẠN

VNĐ		
	Số đầu năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	138.159.036.649	738.425.538.600
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	8.576.000.000	568.069.872.600
Vay dài hạn	129.583.036.649	170.355.666.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

VNĐ					
Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Hội sở chính	78.128.000.000	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2014 đến ngày 29 tháng 4 năm 2015	Bổ sung vốn lưu động	6	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 577 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; nhà cửa tọa lạc tại số 52A-52B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà cửa và vật kiến trúc tại Đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Sở giao dịch chính	51.455.036.649	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 1 năm 2020	Bổ sung vốn lưu động	6,5	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại lô số 2, Đường Dương Quảng Hàm, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG	129.583.036.649				

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	72.461.168.576	35.866.235.360	197.131.063.497	1.130.451.377.433
Tăng vốn	119.986.930.000	(119.986.930.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	254.408.662.493	254.408.662.493
trong năm	-	-	-	-	-	(89.997.649.500)	(89.997.649.500)
Cổ tức công bố	-	-	-	45.000.000.000	12.085.000.000	(62.785.000.000)	(5.700.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(21.390.271.576)	(1.574.502.577)	-	(22.964.774.153)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(24.458.600.000)	(24.458.600.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	719.978.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	96.070.897.000	46.376.732.783	274.298.476.490	1.241.739.016.273
Năm nay:							
Số đầu năm	719.978.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	96.070.897.000	46.376.732.783	274.298.476.490	1.241.739.016.273
Tăng vốn	35.992.000.000	-	-	-	-	-	35.992.000.000
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	162.927.473.161	162.927.473.161
trong năm	-	-	-	-	-	(93.597.185.500)	(93.597.185.500)
Cổ tức công bố và đã trả	-	-	-	30.000.000.000	11.257.421.000	(41.257.421.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(29.084.442.000)	(29.084.442.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	755.970.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	126.070.897.000	57.634.153.783	273.286.901.151	1.317.976.861.934

Vào ngày 3 tháng 10 năm 2013, Công ty đã nhận được Công văn số 6171/UBCK-QLPH ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc phát hành mới cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên Công ty theo Chương trình lựa chọn cho người lao động. Theo đó, Công ty phát hành mới 3.599.200 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 485/2012/NQ-DHĐCĐ-CTY ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 955/2013/NQ-HĐQT-CTY ngày 12 tháng 9 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	719.978.350.000	599.991.420.000
Tăng vốn	35.992.000.000	119.986.930.000
Vốn góp cuối năm	755.970.350.000	719.978.350.000
Cổ tức đã trả	93.597.185.500	149.965.528.175
Cổ tức đã công bố	93.597.185.500	89.997.649.500

20.3 CỔ PHIẾU - CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Số cổ phiếu	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Số cổ phiếu được phép phát hành	75.597.035	71.997.835
Số cổ phiếu đã phát hành, góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu thường	75.597.035	71.997.835
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu thường	(709)	(709)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu thường	75.596.326	71.997.126

20.4 LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	163.171.192.453	254.408.662.493
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	72.877.150	65.390.846
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	2.239	3.891

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

21. DOANH THU

21.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	8.973.965.897.995	6.777.869.795.148
Trong đó:		
Doanh thu bán vàng và bạc	7.611.715.510.190	6.441.007.227.886
Doanh thu bán xăng dầu, gas và vỏ bình gas	1.313.994.762.889	314.717.065.705
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.913.547.651	6.179.536.363
Doanh thu bán phụ kiện	10.455.218.391	15.965.965.194
Doanh thu từ bất động sản đầu tư	7.886.858.874	-
Khấu trừ	(59.783.311.660)	(61.026.428.725)
Hàng bán bị trả lại	(11.963.078.881)	(5.824.786.666)
Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp	(47.820.232.779)	(55.201.642.059)
Doanh thu thuần	8.914.182.586.335	6.716.843.366.423
Trong đó:		
Doanh thu bán vàng và bạc	7.551.932.198.530	6.379.980.799.161
Doanh thu bán xăng dầu, gas và vỏ bình gas	1.313.994.762.889	314.717.065.705
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.913.547.651	6.179.536.363
Doanh thu bán phụ kiện	10.455.218.391	15.965.965.194
Doanh thu từ bất động sản đầu tư	7.886.858.874	-

21.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.913.712.730	1.171.927.294
Lãi tiền gửi	8.910.778.895	7.967.148.225
Cổ tức nhận được	4.973.376.250	57.267.924.000
Lãi từ thanh lý		
Đại Việt	-	52.686.293.791
Khác	-	1.476.000.000
TỔNG CỘNG	23.797.867.875	120.569.293.310

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán vàng và bạc	6.949.345.429.458	5.820.742.004.874
Giá vốn bán xăng dầu, gas và vỏ bình gas	1.276.501.528.129	289.762.142.689
Giá vốn bán phụ kiện	8.316.439.999	4.918.471.330
Giá vốn bất động sản đầu tư	7.090.309.408	-
Giá vốn dịch vụ	3.241.020.899	2.913.655.727
TỔNG CỘNG	8.244.494.727.893	6.118.336.274.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	83.525.727.307	101.497.808.442
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư	914.265.314	(10.324.694.250)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	530.688.195	232.580.236
TỔNG CỘNG	84.970.680.816	91.405.694.428

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	6.872.839.994.572	6.142.532.421.096
Chi phí nhân công	206.253.924.347	158.640.674.769
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản (Thuyết minh số 9, 10, 11 và 14)	23.809.470.760	15.134.039.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.407.074.545	105.130.025.013
Chi phí khác	33.189.953.509	40.260.846.404
TỔNG CỘNG	7.196.500.417.733	6.461.698.006.409

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng cho Tập đoàn là 25% lợi nhuận chịu thuế. Các báo cáo thuế của Tập đoàn chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	63.397.865.936	54.566.752.261
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	792.476.264	680.850.422
TỔNG CỘNG	64.190.342.200	55.247.602.683

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

25.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	233.007.287.265	310.093.877.728
Các điều chỉnh:		
Hoàn nhập dự phòng (dự phòng) đầu tư vào công ty liên kết	15.390.245.680	(19.487.170.728)
Phân bổ lợi thế thương mại	4.473.119.268	-
Chi phí không được khấu trừ	3.586.408.853	4.689.985.002
Thay đổi chi phí phải trả	1.142.984.543	2.047.244.203
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	121.085.676	406.275.680
Thanh lý công ty con		(7.717.231.764)
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc		(3.765.452.000)
Lợi nhuận chưa thực hiện		(438.518.092)
Cổ tức nhận được trong năm	(4.973.376.250)	(57.267.924.000)
Lỗ (lợi nhuận) trong các công ty liên kết	579.477.436	(10.294.076.985)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	253.591.463.743	218.267.009.044
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	63.397.865.936	54.566.752.261
Tăng do hợp nhất kinh doanh từ công ty con	2.065.090.141	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	792.476.264	680.850.422
Thuế TNDN phải trả đầu năm	12.203.462.214	11.560.020.640
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(43.806.298.357)	(53.996.209.047)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	34.652.596.198	12.811.414.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

25.3 THUẾ TNDN HOẢN LẠI

	VNĐ		VNĐ	
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	701.850.324	511.811.051	190.039.273	511.811.051
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	(109.629.523)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(30.271.419)	30.271.419	101.568.920
Trợ cấp thôi việc	-	-	-	(941.363.000)
TỔNG CỘNG	701.850.324	481.539.632		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			220.310.692	(437.612.552)

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VNĐ			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	Bên liên quan	Cổ tức nhận được	10.606.954.250
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	9.226.927.273

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	7.352.559.205	7.186.677.807

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản phải trả với bên liên quan như sau:

VNĐ			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải trả
Phải trả người bán Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	(1.504.954.000)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Đến 1 năm	17.480.110.344	33.833.398.293
Từ 1 đến 5 năm	32.573.796.164	40.650.436.881
Trên 5 năm	6.356.902.800	10.492.878.800
TỔNG CỘNG	56.410.809.308	84.976.713.974

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là kinh doanh vàng, bạc và nữ trang, phụ kiện, dịch vụ kiểm định, xăng dầu, gas và vỏ bình gas.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Vàng, bạc và đá quý	Phụ kiện	Xăng dầu, gas và bình gas	Dịch vụ kiểm định	Bất động sản đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013							
Doanh thu							
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	7.626.109.944.173 (59.783.311.660)	10.455.218.391	1.323.241.482.592	20.666.827.948	7.886.858.874	(14.394.433.983)	8.973.965.897.995 (59.783.311.660)
Các khoản giảm trừ doanh thu							
Tổng doanh thu	7.566.326.632.513	10.455.218.391	1.323.241.482.592	20.666.827.948	7.886.858.874	(14.394.433.983)	8.914.182.586.335
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Lợi nhuận gộp của bộ phận	603.143.791.798	2.138.778.392	46.739.954.463	17.425.807.049	796.549.466	(557.022.726)	669.687.858.442 (375.870.134.808)
Chi phí không phân bổ							
Doanh thu hoạt động tài chính							
Chi phí tài chính							
Lợi nhuận khác							
Lợi nhuận trước thuế TNDN							
Chi phí thuế TNDN							
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN							
Tài sản và công nợ							
Tài sản bộ phận	2.571.737.400.709		393.867.103.742	13.803.186.625	52.150.619.987	(85.595.995.411)	2.945.962.315.652 10.736.674.805
Tài sản không phân bổ							
Tổng tài sản							
Công nợ bộ phận	1.227.641.312.753		270.352.381.181	1.816.120.546	-	(17.913.615.563)	2.956.698.990.457 1.481.896.198.917 68.784.672.108
Công nợ không phân bổ							
Tổng công nợ							1.550.680.871.025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

	Vàng, bạc và đá quý	Phụ kiện	Xăng dầu, gas và bình gas	Dịch vụ kiểm định	Bất động sản đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013							
Doanh thu	7.626.109.944.173	10.455.218.391	1.323.241.482.592	20.666.827.948	7.886.858.874	(14.394.433.983)	8.973.965.897.995
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	(59.783.311.660)						(59.783.311.660)
Các khoản giảm trừ doanh thu							
Tổng doanh thu	7.566.326.632.513	10.455.218.391	1.323.241.482.592	20.666.827.948	7.886.858.874	(14.394.433.983)	8.914.182.586.335
Kết quả hoạt động kinh doanh	603.143.791.798	2.138.778.392	46.739.954.463	17.425.807.049	796.549.466	(557.022.726)	669.687.858.442
Lợi nhuận gộp của bộ phận							(375.870.134.808)
Chi phí không phân bổ							23.797.867.875
Doanh thu hoạt động tài chính							(84.970.680.816)
Chi phí tài chính							362.376.572
Lợi nhuận khác							233.007.287.265
Lợi nhuận trước thuế TNDN							(63.970.031.508)
Chi phí thuế TNDN							169.037.255.757
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN							2.945.962.315.652
Tài sản và công nợ	2.571.737.400.709		393.867.103.742	13.803.186.625	52.150.619.987	(85.595.995.411)	2.945.962.315.652
Tài sản bộ phận							10.736.674.805
Tài sản không phân bổ							2.956.698.990.457
Tổng tài sản							1.481.896.198.917
Công nợ bộ phận	1.227.641.312.753		270.352.381.181	1.816.120.546		(17.913.615.563)	68.784.672.108
Công nợ không phân bổ							1.550.680.871.025
Tổng công nợ							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

3.15 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi, và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	VNĐ	
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
Vàng	+100	(2.548.065.529)
Vàng	+100	2.548.065.529
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Vàng	+100	(1.703.556.660)
Vàng	+100	1.703.556.660

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giá định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ và vàng. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

VNĐ

	Thay đổi tỷ giá US\$	Thay đổi giá vàng	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013			
	+1%	+2%	(6.092.023.553)
	-1%	-2%	6.092.023.552
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012			
	+1%	+2%	(6.092.375.814)
	-1%	-2%	6.092.375.814

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Tập đoàn là 509.052.408.400 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 502.441.408.400 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 50.905.240.840 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 50.244.140.840 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 50.905.240.840 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 50.244.140.840 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phát sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát. Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Tập đoàn là doanh thu bằng tiền mặt, nên có rủi ro tín dụng là không đáng kể.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền, và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ			
	Dưới 1 năm	Từ 2 đến 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2013			
Vay	1.163.972.366.976	129.583.036.649	1.293.555.403.625
Phải trả người bán	111.132.232.389	-	111.132.232.389
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	35.490.736.885	-	35.490.736.885
TỔNG CỘNG	1.310.595.336.250	129.583.036.649	1.440.178.372.899
31 tháng 12 năm 2012			
Vay	1.008.230.455.000	170.355.666.000	1.178.586.121.000
Phải trả người bán	52.168.925.843	-	52.168.925.843
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn và chi phí phải trả	30.810.141.558	-	30.810.141.558
TỔNG CỘNG	1.091.209.522.401	170.355.666.000	1.261.565.188.401

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tập đoàn đã sử dụng hàng tồn kho, tài sản cố định và cổ phiếu của DAB làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15 và 19).
Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Tài sản tài chính				
Đầu tư tài chính dài hạn				
Phải thu khách hàng	523.602.408.400	513.241.408.400	509.052.408.400	502.441.408.400
Phải thu khác	52.341.746.512	15.555.505.035	52.341.746.512	15.555.505.035
Triển và các khoản tương đương tiền	23.485.827.790	35.808.841.279	15.733.609.131	28.056.622.620
	507.821.745.184	468.655.700.806	507.821.745.184	468.655.700.806
TỔNG CỘNG	1.107.251.727.886	1.033.261.455.520	1.084.949.509.227	1.014.709.236.861

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay	1.293.555.403.625	1.178.586.121.000	1.293.555.403.625	1.178.586.121.000
Phải trả người bán	111.132.232.389	52.168.925.843	111.132.232.389	52.168.925.843
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	35.490.736.885	30.810.141.558	35.490.736.885	30.810.141.558
TỔNG CỘNG	1.440.178.372.899	1.261.565.188.401	1.440.178.372.899	1.261.565.188.401

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



Dương Quang Hải
Người lập



Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TRANG SỨC PNJ



TP. HỒ CHÍ MINH

QUẬN 1
174 Lê Thánh Tôn
Vincom Center (tầng L1)
292 Hai Bà Trưng
Thương xá TAX - Nguyễn Huệ
Citi Plaza - Nguyễn Trãi
Nowzone - 235 Nguyễn Văn Cừ
21 Trần Quang Khải
Co.op Mart Cổng Quỳnh
Parkson Saigon Tourist

Q. PHÚ NHUẬN
52A-52B Nguyễn Văn Trỗi
159 Phan Đăng Lưu
Co.opMart Nguyễn Kiệm
BigC Hoàng Văn Thụ
338 Phan Đình Phùng
Co.op Mart Rạch Miếu

QUẬN 3
652 Nguyễn Đình Chiểu
305 Nguyễn Đình Chiểu
Co.op Mart Nguyễn Đình Chiểu
4A Cao Thắng
132 CMT8

QUẬN 5
5 - 7 An Dương Vương
Parkson Hùng Vương

QUẬN 6
255A - 255B Hậu Giang

QUẬN 7: Lotte Mart

QUẬN 8
Co.op Mart Tuy Lý Vương

QUẬN 9
Co.opMart Xa lộ Hà Nội

QUẬN 10
Maximark 3/2
Co.op Mart Lý Thường Kiệt
132 Cách Mạng Tháng 8
127 Đường 3/2
477 Nguyễn Trĩ Phường
Co.op Mart Phú Thọ
BigC Miền Đông

QUẬN 11
257 Lê Đại Hành
Lotte Everich - Lê Đại Hành
140 Ông Ích Khiêm

QUẬN 12
Co.op Mart Nguyễn Ánh Thủ

Q. TÂN BÌNH
47-49 Lý Thường Kiệt
230B Lê Văn Sỹ
Maximark Cộng Hòa
Sân bay Tân Sơn Nhất
139 CMT8
459 Trường Chinh
Parkson C&T Tân Sơn Nhất

Q. TÂN PHÚ
237 Nguyễn Sơn
BigC Phú Thạnh

Q. BÌNH TÂN
BigC An Lạc
Co.op Mart Bình Tân

Q. GÒ VẤP
362A Nguyễn Văn Nghi
403 Thống Nhất
21/3A Quang Trung
BigC Gò Vấp

Q. BÌNH THẠNH
127A Đinh Tiên Hoàng
131 Hoàng Hoa Thám
197A Lê Quang Định
201 Xô Viết Nghệ Tĩnh
60 Xô Viết Nghệ Tĩnh

Q. THỦ ĐỨC
141 Võ Văn Ngân
Co.op Mart Thủ Đức

HUYỆN CÚ CHI
Coop Mart Cú Chi

HÓC MÔN
143/6 Nguyễn Ánh Thủ

HÀ NỘI

Q. HAI BÀ TRUNG
6A Trần Nhân Tông
37B Trần Nhân Tông
TTM Vincom
548 Bạch Mai
58 Triệu Việt Vương

Q. CẦU GIẤY
TTM BigC
256 Cầu Giấy

Q. ĐỐNG ĐA
129 Chùa Bộc
136 Tôn Đức Thắng
5B10 Phạm Ngọc Thạch

Q. LONG BIÊN
345 Ngọc Lâm
BigC Savico

Q. BÀ ĐÌNH
30 Đội Cấn
263 Kim Mã

Q. HÀ ĐÔNG
Co.op Mart Sài Gòn

Q. THANH XUÂN
C12 Siêu thị Hapro

HẢI PHÒNG
Parkson Hải Phòng - TD Plaza
BigC Hải Phòng
56 Cầu Đất

TP. VINH: BigC Vinh

VINH PHÚC
BigC Vinh Phúc
Co.op Mart Vinh Phúc

HẢI DƯƠNG
TTM BigC

NAM ĐỊNH
BigC Nam Định

HÀ TĨNH
Co.op Mart Hà Tĩnh

TP. ĐÀ NẴNG
70-72 Trần Phú - Hải Châu
123 Hùng Vương
77 Phan Chu Trinh
BigC - Vinh Trung Plaza
123 Hùng Vương
Co.opMart Đà Nẵng

QUẢNG NGÃI
Co.op Mart Quảng Ngãi

BÌNH ĐỊNH
Co.op Mart Qui Nhơn

THANH HÓA
BigC Thanh Hóa

TP. HUẾ
Co.opMart Huế
BigC Huế

TP. NHA TRANG
94 Quang Trung
Maximark Nha Trang

PHAN THIẾT
Co.op Mart Phan Thiết

TP. PLEIKU
Co.op Mart Pleiku

BUỒN MA THUỘT
Co.op Mart Buôn Ma Thuột

LÂM ĐỒNG
Co.op Mart Bảo Lộc
08 Hòa Bình, Đà Lạt

TP. ĐÀ LẠT
8 khu Hòa Bình-Đà Lạt

BÌNH PHƯỚC
Co.op Mart Bình Phước

TÂY NINH
Co.op Mart Tây Ninh

BÌNH DƯƠNG
Co.op Mart Bình Dương
3A Bình Dương
BigC Green Square

TP. BIÊN HÒA
BigC Đồng Nai
Co.opMart Biên Hòa
97 Đường 30/4
105 QL1
88A Mậu Thân

BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Co.op Mart Bà Rịa

TP. VŨNG TÀU
Co.op Mart Vũng Tàu

LONG AN
Co.op Mart Long An

TIỀN GIANG
Co.op Mart Mỹ Tho

BẾN TRE
Co.op Mart Bến Tre

TP. VINH LONG
Co.op Mart Vinh Long

TP. CẦN THƠ
46 Ngô Quyền
Co.opMart Cần Thơ
118 Hai Bà Trưng
88A Mậu Thân

SÓC TRĂNG
Co.op Mart Sóc Trăng

TP. LONG XUYÊN
63 Hai Bà Trưng
Co.opMart Long Xuyên
234/3A Nguyễn Trãi

BẠC LIÊU
Co.op Mart Bạc Liêu

KIÊN GIANG
38 Hoàng Hoa Thám
Co.opMart Kiên Giang.

TRÀ VINH
Co.op Mart Trà Vinh.

Cà Mau
4A Hùng Vương
Cà Mau
1F Hoàng Thái Hiếu

PNJ là doanh nghiệp có hệ thống phân phối trang sức lớn nhất hiện nay với 168 cửa hàng tại 40 tỉnh thành trên cả nước.

Bên cạnh đó PNJ còn có gần 3.000 khách hàng sỹ toàn quốc, trang sức PNJ đã xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Canada, Đan Mạch, Đức, Úc, Nhật Bản...

BẢN ĐỒ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TRANG SỨC PNJ





CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

Phu Nuan Jewelry Joint Stock Company

170E Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

www.pnj.com.vn